

GRAD  
TC

558

V5

N47

1961

BUHR

TỪ SÁCH DỊCH THUẬT

DỊCH GIẢ :

HÀ - NGỌC - XUYỀN

北 圻 河 堤 事 跡

BẮC-KỶ HÀ-ĐÊ SỰ-TÍCH

IN LẦN THỨ NHẤT

1963

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN

THE UNIVERSITY OF MICHIGAN LIBRARIES

Hosted by Google

21  
HÀ-NGỌC-XUYỀN

BẮC-KỶ HÀ-ĐÊ SỰ-TÍCH

1963







TỪ SÁCH DỊCH-THUẬT

DỊCH-GIẢ :

HÀ - NGỌC - XUYỀN

北圻河堤事跡

**BẮC-KỲ HÀ-ĐÊ SỰ-TÍCH**

IN LẦN THỨ NHẤT

**1962**

---

**BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN**



**HỘI ĐỒNG DUYỆT SÁCH :**

Ô\_Ô\_BỮU-CẨM... Thuyết-Trình Viên

NGUYỄN-VĂN-BÌNH... Hội-Viên

DƯƠNG-THÁI-BAN ... Hội-Viên





## BÀI BÀN VỀ SÔNG ĐỀ BẮC-KỲ

**C**Ồ-NHÂN có nói : Trăng sao là văn vẻ của trời, núi sông là văn vẻ của đất, công việc sửa sang ở trong là văn vẻ của người ta.

Thực vậy, người ta ở khoảng giữa trời đất, phải kinh-doanh để sinh-lồn, dù thời cơ thời kìm, việc to việc nhỏ, người đã cầm vận mệnh một dân-tộc thường phải trù tính đến.

Như những nước có núi cao sông lớn, khi nắng nhiều mưa lắm, đều có lợi hại đến tính mạng tài sản cả một dân-tộc ; vậy việc sông đê chẳng phải là việc quan-hệ, phải làm lắm ru !

Xét sông Cửu-Long-Giang và Nhị-Hà có phù sa nước đục, Giang phận hạ lưu đều thuộc vào địa phận nước ta cả ; sở dĩ bồi đắp ra hai đồng-bằng rộng lớn, đất sa màu mỡ, lúa mạ xanh tươi, cũng là cuộc bề dâu vận chuyển của tạo-hóa, san chỗ cao vào chỗ thấp mà dành nguồn sống cho dân-tộc ta vậy.

Tuy nhiên, đã có lợi tất có hại, biết trừ cái hại thời cái lợi mới toàn. Xét 2 sông ấy đều phát nguyên từ Tây-Tạng qua muôn ngàn dặm chảy đến địa-phận nước ta mà phóng ra bề.

Sông Cửu-Long-Giang từ Tây-Tạng qua Tàu, Lào đến Cao-Mên có biên hồ chứa nước, vào Nam-Kỳ địa-phận nước ta lại chia

ra Tiền-Giang, Hậu-Giang 2 sông phóng ra bề ; khi mùa mưa nước lũ tuy có tràn ngập lên đồng ruộng, lúa mạ tốt thêm, hoa màu lại được bội, đường vận tải tàu bè đi lại vẫn như thường, cũng là cái tiện lợi tự nhiên của đất đai mà người ít phải kinh lý đến.

Còn sông Nhị-Hà từ Tây-Tạng qua Tứ-Xuyên, Vân-Nam trải qua mấy ngàn dặm núi rừng hiểm trở, vào đến địa-phận Bắc-Kỳ nước ta, lại có nhiều ngọn sông hai bên chảy dồn hợp lại, khi mưa nhiều tất nước phải dâng lên mà phù sa phải ứ đọng.

Nếu không đắp đê thì nước tràn ngập cả dân gian, không những làm hại việc cày cấy, giồng giọt mà đường sá lưu-thông ngăn trở, tàu bè vận tải khó khăn nữa

Đắp đê thì hao tổn của nhà nước, khó nhọc sức nhân dân, miền thượng lưu nước lũ chảy về, ngoài đê nước sông dâng lên, trong đê đồng ruộng không dám tháo nước, chịu đê tiêu khô, đê một khi bị vỡ, cát hạt cũng không phải nhỏ.

Các lý-luận đê nên đắp hay thôi, có lợi cùng có hại, ở trong tập « Bắc-kỳ hà-đê sự tích » này, tiền nhân cũng đã bàn đi tính lại thực là kỹ lưỡng.

Cứ đem các thuyết đắp đê bỏ đê cùng là sự lợi sự hại trong tập này, lấy toàn thể mà cân nhắc, thì đắp đê tuy có lao phí, nhưng sức người còn làm được, một khi có bị vỡ thiệt hại phương này, nhưng còn phương khác và đường vận tải được thuận tiện là hơn cả.

Nhưng đê phải đắp cho kiên cố, phải cách xa bờ sông, phải bỏ đá các chỗ xung yếu, phải xây cống lấy nước vào ruộng, lý lẽ rành rành tất ai cũng hiểu.

Các việc trên này tiền nhân cũng đã làm cả, chỉ vì xây cống còn ít, khi nước lũ lại không dám mở, sợ nước chảy vỡ đê. Cứ như

ý kiến thiển cận của kẻ phiến dịch này, các đoạn đê nên xây cống cho nhiều, hoặc làm bằng xi măng cốt sắt ; hoặc bằng gang bằng thép, cho thật chắc chắn, thân cống chỉ làm nhỏ nhỏ mà dài ra khỏi chân đê độ 3, 4 thước, để sức nước chảy vào nhẹ nhẹ, nhiều cống góp lợi có thể rút được sức nước dâng ngoài sông, mà chứa vào trong các cánh đồng hai bên sông mênh mông rộng rãi, ruộng được nước sa lúa tốt thêm, sông rút nước đi đê ít vỡ, chính sách sông đê may ra cũng toàn thiện được, nhân phiến-dịch mà viết ra bài này gọi là góp ý kiến với tiền-nhân đê sau này xuy xét.

**Đông-Khê cư-sĩ Thiên-dân**

**HÀ-NGỌC-XUYỀN**

phụng thảo

SAIGON, ngày 14 tháng 7 năm 1961

Ấm-lich mồng 2 tháng 6 Tân-Sửu.



# BẮC-KỲ HÀ-ĐÊ SỰ-TÍCH

TÔNG-ĐỒC tỉnh Hưng-Yên, tước Phú-hoàn-nam  
興安總督富完男 họ Lê.

Kính trình :

Thiệt nghi xứ Bắc-kỳ ta, trước kia không có chính-sách đắp đê, từ nhà Trần bắt đầu đắp đê Đĩnh-Nhĩ, 鼎耳堤 sau thê nước sông càng dâng, đê ngày càng phải đắp cao, cũng là cái thê phải thê vậy. Nay bàn thôi việc đắp đê cũng là muốn dân khỏi phải đi bồi đắp khó nhọc hàng năm, mà ruộng lại có lợi sa bồi, màu mỡ, đều là ý kiến vì dân mưu lợi ích cả.

Nhưng nước chảy chỗ trũng, mà đất có chỗ cao chỗ thấp khác nhau, nếu không khai những chỗ ứ-tắc ở hạ-lưu, thì nước không tiêu được, liệu có khỏi nạn ngập lụt, nước chảy tràn ngập làm hại dân được không ? Nếu muốn bỏ đê, phải tu sửa các sông ngòi nhỏ ở các tỉnh đã.

Xét các đường sông Bắc-kỳ hiện tại, không thể ví với ngày trước được, (đời cổ gần bể, nước dễ tiêu, cho đến bây giờ không dễ cũng được). Hưng-Hóa có sông Thao, 洮江 Tuyên Quang có sông Lô 瀾江 sông Lô, 灤江 Thái-nguyên có sông Đáy, 底江 (1) Hòa-Bình có sông Đà 沱江 đến Bạch-Hạc 3 chẽ sông đều chảy vào Nhị-Hà.

Sông này nước có phù sa rất đặc (2) một khi đình trệ lại là thành bãi, bởi thế cửa Càn 乾海口 (ngày trước là cửa bể, nay đã thành làng mạc dân cư) chuyển thành cửa Luộc 濼口 cửa Hoàng 潢口 cửa Liêu 遼海口 biển chuyển dần mà cửa sông Đài 臺江口 đã nhập vào hải-phận Thanh-Hóa.

Cửa Thái.bình, về mặt Tây, phóng ra bể Nam-Hải có đến 6 cửa; khi nước triều dâng, thuyền còn có thể đi qua được, đến mùa đông, mùa xuân, bãi cát chìa lên, trông như một cánh đồng bằng, chỉ còn một cửa sông Đài còn có thể đi lại được, nhưng tàu thủy đi, nhiều khi cũng bị cạn.

Phương chi cửa bể ngày xa mãi ra, sự tiêu tiết của nước không thông, vả lại dân ta sinh ra gấp năm sáu lần đời với trước, thầy có lợi đất bồi, bèn dựng nhà ở, phá làm ruộng

---

(1) Sông Đáy ở Hà-Nam, qua Ninh-bình, Nam-dịnh, chép ở Thái-nguyên là sai, ở Bắc-Hà sông có nhiều tên, vì sông đến đâu lấy tên làng ấy gọi

(2) Trong nước có đất phù sa vùn đục.

cây, phù sa nổi lên đâu, đắp đê ngự-hàm (1) lên đây, thậm chí đắp triệt ngang sông làm ruộng, như sông Quê-Hải 桂海江 sông Nháy 你江 ở huyện Hải-hậu ; sông Long-hầu 竜喉江 sông Mã Cảnh 馬頸江 sông Ngư-Đổng 魚筒江 ở Tiên-Hải, ấy là các sông gấn bề đại khái đều như thế cả.

Lại còn 1 cồn cát ở ngoài bề nằm dài từ Đông-Bắc đến Tây-Nam ; hỏi người ta đều nói rằng cồn cát này nằm ngang bề Nam-Hải ; sở dĩ các cửa bề mạn Nam mới lập là tự thế. Đây là mười năm về trước tôi đi Thuận-Hóa được trông thấy vậy. Duy các cửa bề Đông-Hải là còn sâu rộng hơn, và mạn tả phân lưu (2) sông Nhị-hà chảy xuống, như Thiên-Đức 天德 Nguyệt-Đức 月德 2 sông ở Bắc-Ninh, và sông Lục ở Hưng-Yên có mây sông mà thôi.

Sông Nguyệt-Đức phát nguyên từ Thái-Nguyên, Phúc-an, sông dài khuất-khúc, cứ theo sông mà đi, xa có đến 3, 4 ngày đường, mới ra đến sông Lục-đầu.

Sông Thiên-Đức từ Từ-Sơn, Gia-Lâm, Tiên-du, Quê-dương, Gia-bình 5 huyện. Đoạn sông này khá dài, quanh co, khuất-khúc mãi mới ra đến sông Lục-đầu. Sông này chảy xuống Hải-dương vào sông Phú-lương, ở đây có một bãi cát rất lớn nổi lên giữa sông, đê nổi đường sông đi đến đây bị nghẹt.

---

(1) Ngăn nước mặn.

(2) Chỗ dòng nước chảy ra hai ngã.

Bờ thê đê Từ-Sơn, Thuận-thành hai phủ tỉnh Bắc-Ninh không bị sông Thiên-đức phá thì bị sông Nguyệt-đức phá vỡ, hoặc khi được yên lành là nhờ có Lương-Tài, Gia-bình làm chỗ chứa nước.

Sông Luộc, chỗ phân lưu chảy về nam chậm, mà chảy về đông lại ngược, nước chảy không được mạnh, phù sa đọng lại, tàu thủy thường bị cạn, đến ngày hạ tần (1) liệu nước có thể chảy thông được không ?

Hạ-lưu đã như thê, hai bên bờ đại-hà phù sa bồi cao, không thấp hơn đê bao nhiêu. Bờ càng cao, lòng sông càng nông, thành ra nhà cửa dân cư trong đê đều ở vào chỗ trũng cả. Nếu phá bỏ đê đi, nước chảy tràn ngang thì bị các bờ đất phù sa ngăn lại, chảy thẳng ra bể thì khó khăn.

Cho nên khi nước lụt ứ lại ít ra là vài tháng, nhiều thì đến nửa năm mới tiêu hết, khiến cho tỉnh Sơn-Tây, Vĩnh-Yên, Phúc-An, Hà-nội, Bắc-ninh, Hà-nam, Hưng-Yên xứ Bắc-kỳ, các chỗ trũng đều thành đầm, thành ao, đâu có được một chiều chảy đi như nước trong mâm được.

Niên-hiệu Thiệu-Trị năm thứ 6, Tống-Độc Hà-nội, Nguyễn-đăng-Giai 阮登楷 đã sớ xin bỏ đê, thượng dụ cho biết sau khi đã có đê, nhân đầy mà tu sửa, cũng là cái thê phải thê, những chôn dân cư cao thấp khác nhau, chớ biết cái thuyết chén nước đổ ra mâm đã được là xác đáng chưa !

---

(1) Mùa hạ mưa nhiều nước lớn.



Do đây mà xem, đê chưa có thể bỏ ngay được, đắp thì dòng nước chảy về đông không thông, bề Nam-Hải bồi lấp, bởi thế vào khoảng giữa như Bắc-Ninh, Hanoi, Hưng-Yên, những chỗ đê bị nước xung kích, giữ được bên này thì bên kia phá, đê vỡ hằng năm là từ cố ấy, cho nên đê đắp hay không nghĩ thật là khó, cân nhắc chọn cái nào lợi nhiều hại ít mà làm.

Nay xin bắt chước người trước, dùng đê gò nước, dùng nước đùn phù sa đi, thuận thế nước cho phóng về đông, thời các quãng sông qua Hưng-Yên, Bắc-Ninh, Hải-Dương phải đào khai thêm.

Còn sông Luộc tỉnh tôì, quanh co đi ngược hãy tạm đê đây, nhưng trên thượng-lưu vào quãng xã Nghi-Xuyên, nên khai con sông Cửu-An 久安江 cũ, để tiêu nước khoảng giữa sông Nhị-Hà ra sông Biện-Tân 汴津江 (vào quãng giang phận Tranh - Xuyên, Phù-Cự) qua sông Hàn 邯江 phóng ra cửa Văn-úc, làm như thế so với sông Luộc hiện giờ thì giòng sông cũng tạm thẳng và chảy nhanh được.

Sông Thiên-Đức 天德 ở Bắc-ninh, những khúc quanh co, nên đê xem xét khai đào thẳng ra, để cho nước chảy nhanh chóng.

Còn như sông Nguyệt-Đức 月德 trên thượng nguồn (gọi là sông Lô) cửa sông chật hẹp, lòng sông dày lấp đã lâu, cô-nhân có nói : (« trị thủy thượng nguồn cần ở

phòng ngừa ») xét sông này ở miền Thượng-du, cũng nên tìm cách ngăn chặn để đỡ xung kích (bởi sông này trên nguồn chật hẹp, mà dòng sông quanh co, đến mùa hạ nước lũ, thì nước xung kích nhiều, nên theo phía trên mà ngăn chặn cho thể nước từ từ chảy vào Nhi-Hà).

Mạn hạ-lưu sông Lục-đầu như sông Hàn, quãng Phú-Lương có bãi cát bồi nằm ngang làm nghẽn tắc cũng đành bỏ đây, nhưng quãng sông qua Thanh-Lâm, Nam-Sách phải tìm các cừ, ngòi nhỏ đào rộng ra, để thông ra sông Bạch-Đằng và phóng ra Nam-Triệu 2 cửa.

Sông mạn hạ du chảy về phía nam như sông Đa-Cốc 多穀江, Long-Hầu 龍喉, Mã - Cảnh 馬頸 ở Tiễn - Hải, sông Sét 濠江, sông Quê-Hải 桂海 ở Hải-Hậu và các con sông nhỏ, hết thầy khám xét khai ra để phóng thẳng ra bể

Như thể đường ra đã thông, nước được chảy thẳng, hai bên bờ sông lại nên đặt công lũy nước ngọt, ngăn nước mặn, tùy thời mở đóng, không những đất mặn dần dần thành ruộng, mà hạ-lưu đại-hà còn nhờ sức nước xung kích mở rộng ra nữa.

Việc này rất quan hệ đến quyền lợi của dân, khi đi du lịch xem trong địa đồ, tôi đã trừ tính, mười phần biết được một hai, xin tóm tắt kính trình các Ngài xét, nếu có thể, xin phái quan Bác-Vật đến từng địa-hạt cùng xem xét lại, công việc có tiện mới nên thi-hành.

Đội 5, 6 năm sau có hiệu quả rõ rệt, nước sông thuận  
lôi, đường bẻ sơ thông, bây giờ tùy thế bỏ đê mới không  
trở ngại. Việc làm phải có thứ tự trước sau, tất phải như  
vậy, tôi bắt tài ngu dốt, chỉ nghĩ được như thế không  
dám lập dị, (1) mong thượng cấp các cơ quan hiểu cho.

---

(1) Lập luận kỳ dị.

## PHỤNG XÉT NGUYÊN ỦY SÔNG NHỊ-HÀ

(Sách Nam-địa-dư chép tên là Lô-giang 瀾江 lại tên là Phú-lương-Giang 富良江. Hoàng-Phúc nhà Minh lấy rằng giòng nước sông này chảy như thùy-nhị (1) cho nên lại đặt tên là Nhị-Hà, chữ Tây gọi là sông Đò).

Sông này phát-nguyên từ phía bên hữu Yên-kinh 燕京 (2) (địa-dư chữ nam gọi là Lan-thương-Giang 瀾滄江, địa-đồ chữ tây gọi là Yên-giang 燕江) chảy qua phía bên tả Phạn-hậu 飯後 và Mông-Tự 蒙字 đến chỗ giáp giới nước ta, gọi là sông Bò 潼輔.

Chảy qua Lao-cai, Trại-Hút, An Bái, Thanh-Ba, Hưng Hóa, đến Vĩnh-Trường hợp ba dòng sông làm một (1 chi từ Lục-An ra Hạc-Trì, 1 chi từ Vạn-Bú ra Chợ-bờ) chảy

---

(1) Dòng sông như hạt ngọc đeo tai.

(2) Có lẽ là núi Yên-kinh.

qua xã Hát-môn, huyện Phúc-thọ tỉnh Sơn-tây thì phân chi, nhân thế gọi là Hát-Giang.

Chảy qua Lục-Canh, Đông-Anh tỉnh Bắc-ninh lại phân một chi gọi là Nguyệt-đức-giang.

Chảy qua Hanoi đến địa-phận Tiên-lữ tỉnh Hưng-Yên lại phân 1 chi chảy đến Triệt-giang qua Ninh-giang, Vĩnh Bảo ra cửa Thái-Bình ; một chi từ Triệt-giang chảy qua Duyên-Hà, Tiền-Hải ra cửa Trà-Lý (1).

Chảy về đến Nam-định lại chia ra 1 chẽ qua Xuân-Trường ra cửa Ba-lạt ; 1 chẽ qua Nghĩa-hưng ra cửa Tạc 柞. Lại từ Nam-định phân 1 chi nhỏ xuyên ngang hợp cùng chi từ Hà-nam qua Ninh-bình, Kim-sơn phóng ra cửa Đài.

Sông Hát-Giang từ Quốc-Oai qua Hoài-Đức, Thanh-Oai, Thanh-Tri, Ứng-Hòa, Sơn-Lãng, Hoài-an, Lý-nhân, một chi xuyên ngang ra Đại-Hoàng cùng hợp vào Nhị-Hà ; một chi qua Ninh-Bình, hợp cùng chi nhỏ Nam-định cùng chảy về cửa Đài.

Sông Nguyệt-Đức chảy từ Phả-Lại, Lục-đầu, một chi qua Hải-dương, Ninh-giang, chảy về cửa Thái-bình ; một chi qua Nam-sách ra Hải-phòng phóng ra cửa Cam 柑 ; lại

---

(1) Nói qua Tiền Hải là nhầm.

từ Nam-sách phân 1 chỉ qua bên hữu Hải-phòng cùng phóng ra cửa Cam.

Việc đắp đê bắt đầu từ triều Trần đắp đê Đinh-Nhĩ trước, sau này các chỗ duyên giang (1) đều đắp đê đê ngăn nước.

---

(1) Theo ven bờ sông.

## BÀI DẪN KÝ CỬA CÀN TỈNH HƯNG-YÊN

(Từ lúc chưa đặt tỉnh)

Triều Đinh gọi là Đàng-Đạo 藤道 (Nhà Đinh chia nước làm 10 đạo).

Triều Lý gọi là Đàng-Lộ 藤路 và Khoái-Lộ 快路 (Nhà Lý chia nước ra làm 24 lộ).

Niên hiệu Thiên-Ứng nhà Trần chia chỗ ấy làm mấy lộ là Long-Hưng 竟興 (nay Tiên-Hưng) và Khoái Châu 快州 (Nhà Trần chia nước ra làm 12 lộ).

Khoảng Vua Trần-nhân-Tôn, niên hiệu Thiệu-Bảo thứ 2, Sử Tông chép : Vua Đê-Bính thứ 2 nhà Tống cùng bà Thái-Hậu Dương-thị ra bễ, Bà này nhảy xuống bễ chết, rồi xác trôi vào cửa Càn, bây giờ cửa bễ này chưa bồi lấp.

Năm Hồng-thuận nhà Lê đổi ra là Sơn-Nam trấn và đặt dinh quan Hiền-sát.

(Xét năm Vinh-hựu nhà Lê, chúa Trịnh bình giặc Chân-định từ Hiền-dinh phát quân ra, sử-ký chưa rằng : Hiền-dinh ở xã Nê-Châu 你州 Tiên-lữ 仙侶 là chỗ quan Hiền-sát trấn Sơn-Nam nhà Lê đóng ở đây, nhân gọi là Hiền-dinh, dù biết Hiền-dinh có từ đời Hồng-Thuận). Bây giờ cửa bể trước là bể mà đã biến thành ruộng dâu rồi.

Vua Lê Huyền-Tôn niên hiệu Cảnh-trị năm đầu, đề riêng khu ấy cho người nhà Thanh đến ngụ, địa dư nói là, phò Khách phồn thịnh, ở vào thời ấy chăng ?

Năm Minh-Mệnh thứ 12, đặt làm tỉnh Hưng-Yên (do trích Tiên-lữ, Thiên-Thị, Phù-cừ, Kim-động, Đông-an của phủ Khoái-Châu trấn Sơn-Nam và Thần-Khê, Duyên-Hà, Hưng-Nhân của phủ Tiên-Hưng trấn Nam-định).

Xét từ Đinh đặt là Đảng đạo đến nay là 1033 năm (Đinh 13 năm, Tiên-lê 29 năm, Lý 316 năm, Trần và Hồ 188 năm ; thuộc Minh từ Vinh-Lạc 5 năm, Tuyên-Đức 2 năm, cộng 20 năm, Lê và Mạc đến Chiêu-Thông 377 năm, bản triều (Nguyễn) hơn 100 năm.

Từ niên-hiệu Thiệu-bảo nhà Trần, bà Dương Thái-Hậu trôi vào cửa Càn đến nay 620 năm.

Từ niên-hiệu Hồng-Thuận đặt Trần có Hiền-dinh đến nay 379 năm.

Từ lúc đặt tỉnh Hưng-Yên đến nay 70 năm.



## NGUYỄN ỦY HÀ - ĐỀ

Sách Hán-thư Giao.Châu chép :

Huyện Phong.Khê (nay thuộc huyện Quảng-Oai tỉnh Sơn-Tây và Gia.Hưng tỉnh Hưng.Hóa) có đê phòng nước sông Long-Môn 龍門 (nay là Đà-Giang).

Sách Đường-thư 唐書 chép : Cao-Biến đắp thành Đại . La (Hà-Nội) lại đắp đê chung quanh dài 2.125 trượng, cao 1 trượng chân 2 trượng, như thế đời Hán, Đường đã có đê rồi.

Đền Lý-nhân-Tôn, năm thứ 8, đắp Cơ-xá phường đê 機舍坊堤 Trần-Nhân-Tôn niên-hiệu Thiên-Ứng thứ 14, bị vỡ đê Long-Đàm 龍潭 (nay Thanh.Hóa) thì trước khi chưa đắp đê Đinh-Nhi, cũng đã có đê rồi, nhưng đều do dân tùy tiện đắp lên.

Niên-hiệu Thiên-Ứng thứ 17 nhà Trần, đắp đê Đinh-Nhi từ trên nguồn xuống đến bờ biển (chính sách vệ nông một thời đê chưa được cao rộng). Đền Nguyễn-Phong năm thứ 5,

đặt quan Hà-đê-sứ 河堤使 thời đê công từ đời Trần trước. Triều Lê noi theo không bỏ (năm Cảnh-trị thứ 2 định ra điều-lệ trình hạn sửa đê).

Thời Tây-Son khởi việc phòng đê rất lớn, suốt cả một giải Nhị-Hà (kể từ đắp đê Đĩnh-Nhĩ đến nay hơn 500 năm, từ Tây-Son làm đê đến nay hơn 110 năm).

Khoảng năm Gia-Long, nhân bị nước lụt, đê càng đắp cao.

Năm thứ 8, định-lệ : đê sông Đại-Giang (Thượng, trung lưu bề mặt một trượng, chân 7 trượng, cao 1 trượng 2 thước), hạ-lưu : (bề mặt 1 trượng 5 thước, chân 5 trượng, cao 1 trượng)

Đê sông Trung-Giang (bề mặt 1 trượng 2 thước, chân 4 trượng, cao 1 trượng).

Đê tiểu-giang (bề mặt 9 thước, chân 5 trượng, cao 9 thước). Thân đê đều đắp hình tang trống.

Đền năm Minh-Mệnh thứ 10, thứ 18 lại đắp cao rộng hơn lên, từ đây đến nay, hàng năm đắp thêm, tường cũng chưa được bao nhiêu.

Lại đến năm Minh-Mệnh thứ 16 sai Đặng-văn-Hòa 鄧文和 chiêu theo chỗ cắm cũ, đào sông Cửu-An, đến năm thứ 17 lại đào theo để phân thể nước chảy ra bề đông.

Năm Thiệu-Trị thứ 3, các tỉnh Bắc-kỳ hội họp xin khai sông Thiên-Đức để bớt vơi nước sông Nhị-Hà, đến

năm thứ 6, Tống. Đốc Hà-nội Nguyễn-đăng-Giai xin khai sông Thiên-Đức, Nguyệt-Đức và sông Nghĩa-Trụ, để nước chảy về đông và xin phá bỏ các đê, để khỏi phí và tốt ruộng, nhưng thượng dụ không chuẩn y.

Khoảng Tự-Đức thứ 5, thứ 6 quyền Tuấn-Phủ tỉnh nầy Nguyễn-văn-Siêu 阮文超 lại có tập sớ xin, các đê Bắc-kỳ nên đắp thêm tất cả không nên bỏ, tập ấy nói rất tinh tường.

Trần niên hiệu Nguyên-Phong thứ 5 tức là T.L. 1238

Trần niên hiệu Thiệu - Bảo thứ 2 tức là T.L. 1263

Lê niên hiệu Hồng-Thuận thứ 4 tức là T.L. 1527

Lê niên hiệu Cảnh - Trị thứ 2 tức là T.L. 1581



Ngày 28 tháng 10 năm Thành-Thái thứ 17, phụng biên điều-lệ đắp đê các triều-đại ở sau :

**Kê :**

1.— Lý-nhân-Tôn năm thứ 8, đắp đê Cơ-xá-phường đê ngăn nước lụt vào thành Thăng-Long.

2.— Trần-thái-Tôn, niên-hiệu Thiên-ứng thứ 17, đắp đê Đĩnh-Nhĩ 鼎耳堤 từ trên nguồn đền bờ bể, chỉ là vệ nông một thời, không được cao rộng lắm.

3.— Trần-thái-Tôn niên-hiệu Nguyên-phong thứ 5, đặt quan Hà-đê-Sứ.

4.— Lê niên-hiệu Cảnh-trị thứ 2, định ra trình hạn điều-lệ đắp đê (cứ hàng năm tháng 10 đi khám đê, chỗ nào nên đắp, tiểu-công-trình, thì chiêu các xã nước vỡ có thể ngập đên, bắt dân xã ấy tự đắp lầy, đại-công-trình, thì sai quan đứng đắp ; cứ trung tuần tháng giêng khởi công mà trung tuần tháng ba phải xong).

5.— Thời Tây-Sơn đắp đê Nhị-Hà và lấp các cửa công.

6.— Lệ năm Gia-Long thứ 8, đại-giang thượng-lưu và trung-lưu, đê bề mặt rộng 2 trượng, chân 7 trượng, cao một trượng 2 thước ; đại-giang hạ-lưu, đê bề mặt rộng một trượng 2 thước, chân 5 trượng, cao 1 trượng.

Trung-giang, đê bề mặt 1 trượng 2 thước, chân 4 trượng, cao 1 trượng

Tiểu-giang, đê bề mặt rộng 9 thước, chân 3 trượng cao 9 thước.

Đoạn nào bùn lầy, sâu từ 1 thước đến 4 thước, mỗi trượng dùng cọc gỗ 46 cái, tre dòng 6 cây ; từ 5 thước trở lên mỗi trượng dùng cọc gỗ 73 cái tre dòng 6 cây, đóng xuống làm nòng cốt phen dậu cho đê, lầy tiền công ra làm ; phép đắp đê, lầy hết bùn lầy đi, đên chỗ đất dẫn chắc mới được đắp lên và đặt quan đê chính làm việc.

7.— Lệ năm Minh-Mệnh thứ 8 quy thức đê cứ theo mực nước sông năm ấy đối với đê mà định.

8.— Lệ năm Minh - Mệnh thứ 10, Đê đại-giang, trung-giang đoạn nào mặt kém 4 thước phải đắp thêm cho đúng thức, kém 6 thước gia rộng ra 5 thước nữa.

9.— Lệ năm Minh-Mệnh thứ 18, Đại-giang thượng-lưu, trung-lưu đê đắp cao hơn mực nước lụt 1 thước 5 tấc, hạ-lưu hơn mực nước lụt 1 thước, đoạn nào nước tràn qua đắp thêm 1 thước và gia cao 1 thước.

10.— Năm Minh-Mệnh thứ 19, — có Dự về việc đắp đê tỉnh Hưng-yên, Nam-định, Hải-dương phải xuất tiền gạo ra thuê dân làm.

11.— Mấy năm về thời Thiệu-Trị, Tự-Đức đều chiêu theo lệ cũ, cứ mỗi năm cao thêm lên và áp trúc (1).

Phụng xét đê chính, từ Lý, Trần, Lê đến bản Triều Gia-Long, Minh-Mệnh, điều-lệ rất là tinh-tường đầy đủ, chỉ người thừa hành giả dối không thực-hành, hàng năm bồi đắp sửa chữa, dân xã ngại phục dịch, mà hào mục tổng-lý nhân cơ hội bỏ liêm tiền nong, các phủ huyện nha-lại, các tỉnh-thuộc viên, chỉ lạo thảo xong việc, tuy đắp cao lên đã có định lệ mà mỗi năm sửa sang bồi đắp thực ra chỉ được 5 tấc đất, việc bảo vệ đê, nhân lực không đều nơi đều chôn.

---

(1) Áp trúc là đắp áp vào thân đê (tiếng chuyên môn).

Đền mùa mưa hạ-tân, hoặc nhân đất mới đắp chưa chặt hoặc vì hang chuột lỗ kiên, theo đây mà thâm lậu.

Một khi phải đi hộ-đê (1) thì dân phu vật liệu, khó nhọc tốn phí mất nhiều, như thế thì người trai tráng đã mất công đi bồi đắp lại còn đóng tiền phí tổn (món tiền đi đắp đê hàng năm, cùng với món tiền nộp thuế, không hơn không kém nhau).

Nhân thế có đoạn đê nào thâm lậu, phủ huyện không kiểm xét được, dân sợ phiền phí, dầu điềm đi không dám nói rõ ra, đến lúc thế nước xung kích, thành ra đê vỡ, như thế là tự người chứ không phải tự trời.

Thói tệ hại ấy, không phải mới có một ngày nay, muốn trừ bỏ tệ cũ mà dùng chính-sách mới, trước hết phải chỉnh đốn lại, cũng không khỏi một món phí tổn lớn, vì không một phen khó nhọc thì không nhân rồi được lâu, mà không chịu phí một lần thì cũng không yên lành được mãi, cũng là không đứng được đây thôi, vậy xin nghị thảo các điều lệ đắp đê kê sau này :

### Kê :

1.— Xin trước hết phải đi khám xét, nên chọn 1 vị văn quan hoặc võ quan, vị nào là người am-hiểu việc đê đê cùng vị đồng-công luân lưu đi các tỉnh, phủ huyện có đê xem xét.

---

(1) Đi hộ vệ đê.

Xét theo hai bên bờ đại-hà trên từ Sơn-Tây, Vinh-Yên xuống đến giang-phận tỉnh này. Và xét đê trung-giang các tỉnh, khám kỹ đoạn nào bị nước xung kích sắp lở đến thân đê, nên đắp ra chỗ khác, hoặc ngoài nên cắm tre, đồ đá, trong đắp đê-cơ (1) (rộng 2 trượng, cao 5 thước), hoặc trong có đầm ao sâu nên cắm tre đan phen đắp thêm đê cơ để giữ bền chắc. Đoạn nào cao thêm mấy thước, đắp vai đắp chân ra mấy trượng, mấy thước, mỗi cái đều theo quy thức vẽ vào đồ bản, trừ tính giá tiền đất tiền công và vật liệu, mỗi đoạn tiêu dùng hết bao nhiêu biên thành bản án để làm.

2.— Phép đắp đê xin dùng toàn đất thịt (không được lẫn cát vào) cứ đất đồ cao 5 tấc, dùng mai cuốc dằm nhỏ ra, dùng chày nện cho in, mỗi lần đồ đất 5 tấc lại nện một lần, từ chân đê trở lên một tầng lại một tầng như thế, y thức thì thôi, không được đồ đất quá cao mà làm một cách qua loa lạo thảo.

3.— Đắp đoạn nào đều là cát già, thì nên dùng phép đắp đê bằng cát, bên ngoài xa đê độ 5,3 trượng đào một cái kênh nhỏ, lấy cát bên trên đắp vào ruột đê, lấy đất chắc bên dưới đắp bao bì phía ngoài phía trong đê, và phủ mặt đê dày độ 5, 6 thước, chày nện cho kỹ, bên ngoài bỏ hết cát lấy đất đắp đê-cơ, như thế có thể bền chặt được.

---

(1) Cái nền của đê, đắp ở chân đê. (Tiếng chuyên môn).

4.— Cách đắp đê nếu cứ chia cho các xã dân phải làm, cũng không khỏi cái tệ hại như trước, nay xin chiếu xem đoạn nào phải dùng hết bao tiền, hãy tạm mượn tiền công đem ra thuê đắp, nếu gặp năm mất mùa, dùng tiền mượn công thay phát chẩn, thì dân cũng có việc làm, mà vui vẻ tận tâm làm việc, cũng là chính sách cứu hoang rất hay.

Lúc đắp xong, tính số chi hết bao nhiêu, chiếu bỏ vào các ruộng thủy-thê-sở-cấp (1) ở trong các tỉnh phủ huyện ấy, xã nào phải chịu là bao tiền, phát chi bài cho tổng lý thu đem nộp theo y như việc thuê.

5.— Việc cõ khoán các đoạn đê, nên chọn người có chức việc hoặc người có gia-sản đứng làm, đầu giá xong mượn phu theo quy thức mà làm, cũng theo như việc thuê đắp đường hỏa-xa trước kia, chiếu y như lệ năm Minh-Mệnh thứ 8 phải bảo cõ có hạn (bảo cõ trong 3 năm nếu sai suyền người thầu phải bồi thường).

6.— Người đốc công xin chọn người có chức việc là người nhanh nhẹn rất tốt, chiếu y cách thức đi khám các đoạn đê, nhận các công việc của người thầu, cần sao để được rất tốt, nếu trong 3 năm có xảy ra không bảo cõ được, ngoài việc tránh cứ người thầu phải bồi thường, người đốc công bắt lực cũng phải nghiêm trị.

---

(1) Chỗ nước vỡ có thê lụt đến. (Tiếng chuyên môn).



7.— Việc phòng hộ đê, xin tham bán châm chước điều lệ khoảng năm Gia-Long, Minh-Mệnh, đặt ra một nghị-định nghiêm-khắc, những dân xã phủ huyện nào có đê (xã nào có đê phải xét theo công việc nhiều ít của chúng cho được công bình) hàng năm phải ấp-trúc (1).

Mùa hạ-tân (2) đến, nên chia đoạn đặt diêm canh trên đê, sức cho tổng lý dân phu canh phòng, thời thường đi kiểm soát, nếu không hết sức thừa hành đê vỡ, chiếu nghị nghiêm trị ; việc phòng đê đặt ra bắt dân noi theo, nay đã có nền nếp rồi chớ nên bỏ đi.

Ngày 28 tháng 10 năm Thành-Thái 17, phụng biên.

### Kê :

1.— Phụng xét Đại-Nam hội diêm hà phòng 大南會典河防 (3) có 11 điều ở sau :

Đê chính chức chương 堤政職掌 (chức giữ việc đê).

Đê điều hợp tổng 堤條合總 (hợp các điều việc đê).

Tân hậu chí nghiệm 汛候誌驗 (ghi nghiệm mùa nước lớn).

Lý trúc trình thức 理纂程式 (cách thức bồi đắp).

---

(1) Đáp áp thêm vào.

(2) Nước lũ mùa hạ.

(3) Hợp bản định qui-tắc phòng sông nước Đại-Nam.

|                      |      |   |
|----------------------|------|---|
| Khám biện kỳ hạn     | 勘辦期限 | (kỳ hạn khám xét).                              |
| Nhu dụng vật liệu    | 需用物料 | (đồ dùng vật liệu).                             |
| Cấp hạn bảo cố       | 給限保固 | (cho hạn bảo cố).                               |
| Hạch tiêu khảo thành | 核銷考成 | (hạch hỏi việc chi tiêu.<br>khảo sát việc làm). |
| Thực tài cấm lệnh    | 植栽禁令 | (lệnh cấm giồng cây).                           |
| Sang tu công trình   | 搶修工程 | (công trình sửa sang).                          |
| Phòng hộ thưởng phạt | 防護賞罰 | (thưởng phạt việc<br>phòng hộ).                 |

## ĐIỀU I

### Đề chính chức chương

Năm Gia.Long thứ 8, đặt 1 viên tổng lý đề chính, 總理堤政 1 viên Tham.lý đề.chính 參理堤政 các trấn ở Bắc.Thành khi có việc đề, phải cùng hiệp lực thừa hành. Lại ra nghị.định, năm nào đắp đề ở địa phận xã nào, bắt dân xã ấy phải bầu Thủ.lộ đề canh giữ.

Năm Minh.Mệnh thứ 8 lại cho mộ thêm 20 người sung vào gạch Bắc.Thành công phòng 北城工房 lại chọn trong phòng người nhanh nhẹn có thể đặt ra Bát-phẩm 1 người, Cửu.phẩm 2 người, tùy Công.Bộ thanh.lại.ty chủ.sự 工部清吏司主事 sai khiến công việc gọi đến phải theo, trông nom chia nhau làm việc đề.

Năm Minh-Mệnh thứ 9 lại cho trích ở trong thành, xuất đội 2 người, binh.định 100 người tùy theo quan đê.chính sai khiên. Lại nghị cho đặt 1 nha đê-chính : Quản.lý 管理 1 viên (dùng viên nhị phẩm hàng văn) Tham.biện 參 辨 1 viên (dùng viên tam phẩm hàng võ) Viên.ngoại.lang 員 外 郎 1 viên ; — Chủ.sự tư vụ 主 事 司 務 mỗi chức 2 viên ; Bát, cửu phẩm, mỗi chức 4 viên ; Thư.lại 30 viên đề đủ làm việc.

Khi có việc quan trọng, quan Đê-chính cùng các quan Tham.Tụng Bắc.Thành (tức như bây giờ quan Kinh.Lược cùng các quan Tổng-Độc, Tuần-phủ các tỉnh) bàn định xác đáng, do quan Thành, quan Đê-chính thảo trình bày tâu lên, nhưng dùng ấn triện Tổng - Trần mà do quan Thành phụng-đệ. Việc chỉ tiêu, hồ giá do quan Đê-chính phác họa thảo ra dùng ấn triện Đê-chính quan-phòng, nhưng cũng do quan Thành phụng đệ.

Năm Minh.Mệnh thứ 14, nghị đặt chức Đê-chính nha-viên, 堤 政 衙 員 chức Chuyên-ủy Độc-phủ đại viên, 專 委 督 撫 大 員 tùy nghi bổ dụng ; chức Tư vụ trở lên, đều phải về Kinh do Bộ bổ dụng, còn bát, cửu-phẩm, thư-lại giao cho Hànội bổ đi các tỉnh phục vụ việc đê.

Lại có nghị các văn kiện, giấy tờ về việc đê điều, giao cho Hànội tồn trữ.

Lại có nghị công việc đê ở các tỉnh lấy quan Độc-phủ sung chức Độc-Tu 督 修 Bô-chính sung chức Giám.

Tu 監修, phủ huyện và các viên tỉnh phải là người chuyên làm mọi việc.

## ĐIỀU 2

### Đề điều hợp tổng

Năm Minh-Mệnh thứ 10, có lệnh chuẩn cho chỗ nào gần bờ sông và thân đê vỡ lở không thể theo cũ tu bổ được, được chiếu theo lệ đại-công-trình sửa đắp. Các đoạn đê từ đời Gia-Long đến giờ, đoạn nào vỡ lở thể nước xung kích, phải bồi đắp lại ; đoạn nào trước nay dân xã xin làm tư-đê, xét thuộc đại trung-giang phận là chỗ quan yếu, nên nhận làm công-đê mà đắp, sức các trấn, phủ, huyện đốc dân phu chõ thủy thể-sở-cập, theo lệ tiểu-giang công-trình mà tu bổ. Đề ngự hàm duy Nam-định, Hải-dương có, cũng chỉ phòng nước bề lên xuống mà thôi, nhưng xét ra là quan yếu cần phải đắp, thì các trấn sức cho các phủ huyện sở tại đốc thúc dân phu bồi bổ ; nếu tầm thường cũng nên vì của tư dân mà cho xã dân cam kết bảo thủ lấy.

## ĐIỀU 3

### Tấn hậu chí nghiệm

Năm Minh-Mệnh thứ 9, nghị đặt thủy-chí, chiếu theo đê sông đại-giang, và sông trung tiểu-giang dựng cây cọc gỗ khắc rõ thước tấc, để ghi ngăn nước đến chỗ nào là nước to hay

nhỏ, thí dụ thân đê cao 1 trượng 2 thước, nước dâng đến 1 trượng 1 thước là bình thường, quá 1 trượng 1 thước trở lên là bội thường, thân đê cao 1 trượng mà nước dâng ở chỗ 9 thước là bình thường, quá 9 thước trở lên là bội thường, mỗi khi nước lên nước xuống, quan Thành phái người ra xem, đê sau tra xét.

Năm Minh-Mệnh thứ 14 có chỉ dụ cho các đốc-phủ các tỉnh chiêu theo thủy-chí hàng ngày cứ 3 ngày 1 lần tâu.

Lại có dụ đê điều trong hạt, đoạn nào ngăn nước cách mặt đê mấy thước, đoạn nào nước lên đến mặt đê mấy thước, đoạn nào nước tràn qua đê mấy thước tắc, ghi lầy cứ trung tuần tháng 8 tâu lên đê lượng gia cao trong qui-thức đê.

Năm Minh-Mệnh thứ 20, có dụ hàng năm nước lớn phần nhiều vào tiết mặt-phục, trong Bộ phải ghi lầy, hàng năm sắp đến tiết mặt-phục phải tâu trước (1).

Năm Minh-Mạng thứ 21 có chỉ dụ, xứ Bắc-kỳ các địa hạt có đê, không kể sông nhỏ, nước lên xuống, cứ đo từ mặt nước đến mặt bùn lòng sông sâu bao thước tắc, lại đo từ mặt đê đến mặt ruộng so sánh với mặt nước lòng sông cao hạ nhau bao thước tắc, biên chép báo lên Bộ, để nghiệm năm sau lòng sông có bồi nông lên không.

---

(1) Tiết mặt-phục vào khoảng đầu tháng 7 âm lịch.

Niên-hiệu Thiệu-trị năm đầu, có lệnh, nước sông tỉnh Bắc-ninh thường so với các tỉnh khác nước dâng mau hơn, nên phái người về chiêm nghiệm.

#### ĐIỀU 4

##### Lý trúc trình thức

Năm Gia-Long thứ 8 có lệnh, sông đại-giang đê thượng-lưu, đê trung-lưu bề mặt rộng 2 trượng, chân 7 trượng, cao 1 trượng 2 thước; đê hạ-lưu bề mặt rộng 1 trượng 5 thước, chân 5 trượng.

Sông trung-giang, bề mặt đê rộng 1 trượng 2 thước, chân 4 trượng, cao 1 trượng.

Sông tiểu-giang, bề mặt đê 9 thước, chân 3 trượng, cao 9 thước.

Đoạn nào bùn lầy sâu từ 1 thước đến 4 thước, dùng cọc gỗ, mỗi trượng cắm 46 cây (dài 10 thước khoát 4 tấc), tre giồng mỗi trượng 6 cây (dài 25 thước, khoát 2 tấc) để làm nòng cốt cho đê, gỗ cọc và tre giồng dùng hết bao nhiêu đều lầy tiền công ra mua.

Những đoạn bùn lầy, bắt dân sở tại bỏ hết bùn đi đến chỗ đất chắc mới cho đắp lên, đắp đê mới cũng phải đào đất dẫn chắc, không được lấy đất sa mới bồi, chỗ lầy đất phải trừ xa chân đê 5 thước, thân đê đắp hình tang trống,

đắp được năm ba ngày, đem voi nhà nước ra cho giày đập lên thật kỹ, mới cho cây cỏ lên.

Lại làm các công tiêu nước, dùng gỗ lim làm thân công (dùng sắt nhỏ, nhào đất si măng cùng đất cho xuống nện chỗ xây công) công việc trên này thuộc lệ đại-công-trình, cho lấy tiền công ra thuê đắp và sửa.

Bồi đắp đê cũ bề mặt từ 4 thước trở xuống, thuộc lệ tiểu công-trình, bắt dân phải đắp.

Năm Minh-Mệnh thứ 8 có lệnh, quy thức đê cứ theo mặt đê chỗ nước xói làm mực, các đê tư nước tràn bị vỡ, dân không đủ sức làm, nên liệu xuất tiền ra làm, đắp xong, dân xã phải chịu sò tiền.

Năm Minh-Mệnh thứ 9 có lệnh cho xã Sài-quật, Thuần-Lễ, Sài-thị-trung huyện Đông-an các đoạn đê vỡ lở, chiều lệ đại-công-trình bồi bổ, theo quy-thức đê đại-hà áp trúc thì nhân công vật liệu cũng khá nhiều, nên tùy thể thêm bề mặt 1 trượng 7 thước, chân 6 trượng, tăng cao 1 trượng 2 thước.

Lại chuẩn cho đắp đê dùng chày nện, còn bắt voi đi giày đập thì thôi.

Năm Minh-Mệnh thứ 10, có lệnh sông đại-trung-giang, đê đoạn nào bề mặt và chân còn thiếu từ 1, 2, 3, 4 thước, đều bồi thêm cho đúng thức, đoạn nào thiếu từ 6 thước đến 1, 2 trượng, đều đắp rộng ra 5 thước làm mực.

Năm Minh-Mệnh thứ 18, chuẩn cho, sông đại-giang thượng trung lưu đắp cao hơn ngân nước 1 thước 5 tấc ; hạ-lưu và đê sông trung-giang cao thêm hơn ngân nước 1 thước. Trên thượng-lưu đoạn nào ngân nước cách mặt đê 1 thước thì làm cao thêm 5 tấc ; đoạn nào ngân nước tràn qua mặt đê 1 thước, đắp bù 1 thước và làm cao thêm 1 thước 5 tấc ; đoạn nào ngân nước cách đê 1 thước 5 tấc trở lên, không nên đắp thêm ; đoạn nào rộng từ 1 trượng 5 thước đến 2 trượng, thì đắp rút lại 5 thước, hai bên đều để lưu thông mỗi bên 2 thước 5 tấc ; đoạn nào hiện rộng 1 trượng 4 thước, đắp rút vào 3 thước, hai bên để lưu không mỗi bên 1 thước 5 tấc, còn như đắp dày ra thì do quan địa-phương xét đoạn nào xung yếu cho bồi đắp đoạn ấy.

## ĐIỀU 5

### Khám biện kỳ hạn.

Năm Gia-Long thứ 8 có lệnh, hàng năm cứ 1 tháng 10, các phủ huyện phải xét các đê công, tư và các công nước chỗ thấp hoặc vỡ lở, nếu là tiêu-công-trình thì khai vào sổ nộp lên quan Trấn xét đệ sang quan Đê-chính xét lại đưa về các quan phủ huyện sức cho xã dân đắp, hạn 1 tháng xong.

Lại cũng ngày hôm ấy, các quan phủ huyện đi khám đoạn đê nào gần mép sông nên làm đê mới, đoạn nào đê cũ thì còn áp trúc được, lại đi khám công nước các nơi, nơi



nào mục nát nên làm mới, hoặc sửa lại, hạn trong 10 ngày  
hạ thành đổ bản đệ nộp lên Trần.

Ngày 11 tháng này, quan Trần thân hành đi khám, hạn  
trong 1 tháng làm thành sổ nộp sang quan Đê.chính.

Thượng tuần tháng 11, quan Đê.chính đi khám  
lại.

Trung tuần tháng 12 khám xong, phân biệt ra đại hay tiểu  
công.trình, khai trình quan Tổng-Trần hợp bàn, đoạn nào  
nên áp trúc, chiều dài rộng bao nhiêu, lượng định ra thô  
đầu (4 bề đều 1 thước, sâu 1 thước là 1 đầu) tùy chỗ  
tiền thuê lầy đất có khác nhau, rồi đưa xuống quan Trần  
sức về cho phủ huyện mộ dân đặt khoán đắp, lại chọn  
các cán.viên đóc-xuất, đền hạ tuần tháng giêng, hoặc thượng  
tuần tháng hai năm sau khởi công. Tiểu.công.trình hạn  
1 tháng phải xong, đại - công - trình hạn trong 2 tháng  
phải xong.

Quan Trần cùng quan Đê.chính thân hành đi khám, tiểu-  
công-trình đi khám vào thượng tuần tháng 3, đại công-  
trình đi khám vào thượng tuần tháng tư, chỗ nào sơ xuất  
và không hợp thức, theo nặng nhẹ luận tội, và bắt người  
thầu khoán đắp đền.

Quan Đê.chính phải dự bị xét tiểu.công.trình mảy chỗ,  
mỗi chỗ đắp bù dài rộng cao dầy bao nhiêu thước ; đại.công-  
trình mảy chỗ và đắp đê mới tất cả bao nhiêu thước, cùng là  
công mới, mỗi chỗ cho tiền công, mua vật liệu bao nhiêu,

dựng thành sổ 2 bản, 1 bản trình Tổng-trần giữ làm bằng, 1 bản quan Trần giữ.

Quan Đê-chính lại còn phải làm sổ tâu, họa đồ bản 2 bức, 1 bức cùng với sổ đệ nộp, 1 bức lưu để quan Trần giữ. Cứ năm ấy làm để làm công bao nhiêu và dùng tiền hết bao nhiêu làm 1 tờ biểu cùng sổ tiền nộp.

Năm Gia-Long thứ 9, có lệnh : đoạn đê nào nguy-hiêm xung yếu, nên bỏ đá (tức bỏ kè) nhưng trước hết phải trừ hoạch và đặt giá rõ ràng mới làm. Và cứ hàng năm cuối mùa thu đầu mùa đông, quan Đê-chính phải hội đồng với quan Trần cùng các quan phủ, huyện đi khám các đê, hễ phải làm đê đại-công-trình thì trừ liệu vẽ đồ bản, hạn thượng tuần tháng 12 phải tâu lên, sau khi được lệnh chỉ, phải các ty-viên hiệp cùng phủ huyện mà làm, sổ tiền công chỉ ra và thuê khoán dân sở-tại hoặc ở các xã bên cạnh, tùy quan Đê-chính định liệu. Đê mới đắp cứ thượng tuần tháng giêng hưng công, đại công-trình hạn 3 tháng làm xong, trừ đê đắp vào chỗ ruộng sâu không có đất là khác. Đại-công-trình làm xong, phải tâu để khám xem thượng trước có đúng với giá đặt không, nếu thấy việc không đúng sự thực sẽ giao Bộ nghị xử. Tiểu-công-trình làm xong cũng phải tư Bộ để phòng xét về sau.

## ĐIỀU 6

### Nhu dụng vật-liệu

Năm Gia-Long thứ 8, có lệnh chuẩn cho gỗ lim mỗi cây dài 20 thước, khoát 1 thước, giá tiền 20 quan, hễ dài hơn thì quy vào thước, hoặc 2 cây quy thành 1 cây dài 12 thước cũng được ; còn như bể rộng bể dày thì cứ 1 thước, không được giảm. Đá vụn mỗi 100 cân giá 3 tiền, sắt nhỏ mỗi 100 cân giá 12 quan, công thợ xây công nước mỗi ngày 3 tiền 30 đồng, công người nện đất mỗi ngày 2 tiền, việc đào đất, lấp đất, mỗi đấu đất giá 6 tiền, tre giồng mỗi cây dài 25 thước, đường kính 2 tấc giá 1 tiền 30 đồng, gỗ mỗi cây dài 10 thước khoát 4 tấc giá mỗi cây 2 tiền, chày gỗ mỗi cái dài 4 thước 3 tấc khoát 3 tấc, đầu bịt sắt giá 1 tiền 30 đồng.

Năm thứ 12, lệnh chuẩn cho từ đây về sau, việc có khoán phu, lãnh mua gỗ lim, chiều dài chiều ngang phải chiều y như kích thước khai sau đây, mà có thực tốt mới được mua, nếu có tỳ vết không được lấy.

- a) Hạng dài 20 thước ngang 8 tấc.
- b) Hạng dài 15 thước ngang 8 tấc.
- c) Hạng dài 10 thước ngang 8 tấc.
- d) Hạng dài 9 thước ngang 7 tấc.

Năm Minh-Mệnh thứ 9 nghị định, thò đầu chỗ rất khó, mỗi đầu giá 1 quan, chỗ khó vừa mỗi đầu giá 9 tiền ; mạn trong đê chỗ hơi dễ và mạn ngoài chỗ hơi khó, mỗi đầu giá 8 tiền, độc một bên mỗi đầu giá 8 tiền 30 đồng, chỗ hơi dễ mỗi đầu giá 7 tiền.

Năm Minh-Mệnh thứ 18, lệnh chuẩn cho các tỉnh Bắc-kỳ, đắp đê dụng nhân công vật liệu :

Sơn-tây chiêu theo lệ đắp đường quan lộ.

Nam định chiêu theo lệ đắp đê.

Bắc-ninh chiêu theo lệ đắp đê, chỗ rất khó mỗi đồng đất giá 1 quan 1 tiền, chỗ dễ mỗi đồng 7 tiền.

Hưng-yên chiêu theo lệ đắp tiêu bồi (1) mỗi đồng đất 4 công cấp 3 tiền 12 đồng, chỗ không nhât thể như nhau, khó dễ định làm hai hạng, chỗ khó định mỗi đồng 7 công, dễ định mỗi đồng 6 công, mỗi công cấp tiền cho 40 đồng và 1 bát gạo.

---

(1) Đê nhỏ gọi là tiêu bồi.

Nói về chính sách tiền-tệ triều Nguyễn, xứ Bắc-kỳ tiêu bằng tiền kẽm của Gia-Long, Minh-Mệnh, Thiệu-Trị, Tự-Đức đúc ra, lệ cứ 60 đồng gọi là một tiền quý ; 10 đồng tiền quý xâu đóng lại thành một quan. Đối nhân công thời ấy, công làm ruộng chỉ có một tiền quý và 1 bát gạo, công người thợ mộc, thợ ngổa có chăng mới được 2, 3 tiền ; đến Khải-Định tiền giấy và bạc đồng bạc hào của Chính phủ Pháp ra nhiều, mà tiền kẽm ngày dần hết đi.

Năm Minh-Mệnh thứ 19, lệnh chuẩn cho các công nước thông vào ruộng, dùng các ống sành bằng đất hun, dài 3 thước, đường kính 8 tấc, dày 1 tấc 4 phân, trong hơi loe miệng, tùy chân đê rộng hẹp mà đặt, nhưng chỗ tiếp giáp dùng vôi mật nện kỹ.

## ĐIỀU 7

### Cấp hạn bảo - cố

Năm Gia-Long thứ 8, khoán đắp đê hạn phòng thủ 2 năm, trong hạn có lở vỡ đâu, người thầu phải đắp đền lại; số tiền thầu cứ mỗi đoạn 10 thước được bao tiền, lượng để lại, đê đại-giang mỗi trượng để lại 3 quan, tiêu-giang mỗi đoạn để lại mỗi trượng 2 quan hoặc 1 quan. Trong hạn 3 năm liệu phát cho người thầu bồi đắp, nếu trong 3 năm không phải bồi đắp thì số tiền ấy phát giả lại cho người thầu đủ số.

Lại có lệnh cho người làm công nước, khi xong phải phòng thủ 5 năm, mục nát hư hỏng, người thợ làm công phải bồi thường.

Bồi đắp không được thực thà chắc chắn, nếu thủy thể tầm thường mà cũng vỡ đê, thì quan Trấn cùng các nhân-viên đốc xuất đều phải tùy nặng nhẹ mà trị tội. Còn như nước

lớn chảy xung kích võ đê, sức người không sao được thì không kể.

Năm Minh-Mệnh thứ 9 có lệnh, đê mới đắp bảo cô được trong hạn 3 năm, quan Đê-chính được thăng 1 cấp, quan Trần làm Giám-tu được thưởng kỷ-lục 2 lần, phủ huyện và ty đê-chính đều được thưởng kỷ lục 1 lần.

Đê đã ngoài hạn 3 năm, và đê từ trước hiện có đều theo lệ cựu đê xét. Năm nào thủy thê bội thưởng, đê cũ không việc gì, thì quan Đốc-tu được kỷ lục 2 lần, quan Trần được kỷ lục 1 lần, phủ huyện và các viên trong ty đều được thưởng 3 tháng lương, còn các bát, cửu-phẩm thư-lại ở ty đê-chính và nha-dịch phái-viên ở các phủ huyện, ai có năng lực không kể đê mới hay cũ, đều lấy 3 năm làm hạn, có thể quan Đê-chính cùng quan Trần hội đồng làm danh sách trình lên lượng thưởng.

Đê mới đắp không được kiên cô, cứ lệ xử vào vị quan thừa hành việc đắp ấy, một chỗ không được đầy hay 1, 2 trượng không được đầy đủ phải giáng 2 cấp, thư-lại phải tội trượng 80 ; vị quan kiêm việc đê phải giáng 3 cấp, thư-lại trượng 90. Hai chỗ không kiên cô hoặc 3, 4 trượng không đầy đủ, quan giáng 3 cấp, thư lại trượng 90 ; vị quan kiêm việc đê giáng 4 cấp, thư-lại trượng 100, đều cho lưu dụng. Ba chỗ không kiên cô hoặc 5 trượng không đầy đủ, quan giáng 4 cấp, thư lại trượng 100, nhưng cho lưu dụng, duy

vị quan kiểm việc đê bị cách chức, thư-lại trưng 100 cách dịch, đều phải đắp bồi thường.

Quan Đốc-tu, Giám-tu, địa hạt mình có đắp đê mà đê không kiên cố không hợp thức 1 viên thì nghị xử phạt lương-quan Trần 1 năm ; phạt lương quan Đê.chính 9 tháng ; nếu cả 2 viên, nghị xử quan Trần giáng 1 cấp lưu dụng ; Quan Đê.chính giáng 2 cấp lưu dụng, phải đốc thúc bồi đắp cho xong và hợp thức, do quan Thành tâu lên, có thể tha thứ nhưng đợi sắc chỉ định đoạt ; nhược bằng quan Đốc-tu Giám-tu đem vị quan thừa hành không kiên cố không hợp thức ấy ra trình thị mình được miễn nghị. (1).

Đê mới đắp còn trong hạn bảo cố 3 năm, thủy thể bình thường mà đê vỡ thì các phủ huyện và các viên ty đê-chính đều cách chức, quan Trần Giám-tu giáng 4 cấp, quan Đê-chính giáng 3 cấp đều được lưu dụng, nhưng hạn cho phải đem tiền đỏi tội mà bồi đắp cho xong và kiên cố, tiền chi các hạng hết bao nhiêu lập danh sách do quan Thành tâu lên, đợi lệnh chỉ giao cho Bộ thương nghị bắt bồi thường.

Đê đã quá hạn 3 năm, và đê từ trước hiện có, thì nước bình thường mà đê vỡ, phủ huyện và các viên

---

(1) Khởi phải nghị xử.

trong ty giáng 4 cấp, quan Trần giáng 3 cấp, quan Đê-chính giáng 2 cấp, được lưu dụng, cũng cho lãnh tiền công đem sửa đắp lại, mà số tiền phải bồi thường sau.

Đê mới còn trong hạn 3 năm, bị vỡ đê 2 lần, không kê đoạn nào, phủ huyện, ty-viên, Trần quan, Đê-chính quan, đều cách chức, phí tổn bao nhiêu truy thu.

Đê cũ 2 năm 2 lần vỡ, phủ huyện và ty viên giáng 4 cấp, quan Trần giáng 3 cấp, quan Đê-chính giáng 2 cấp, được lưu dụng miễn phải bồi thường.

Trong khi đê vỡ, không kê 1 lần 2 lần, đoạn mới đoạn cũ lúc ấy có nhân dân súc vật bị thiệt hại nặng, đợi có sắc-chỉ nghiêm phạt ; và lại quan Thành có trách-nhiệm hệ trọng, không như một nha, 1 người chức sự địa phương, việc đê gặp khi có tường thường hoặc phân xử, phải đợi có lệnh-chỉ định đoạt.

Năm Minh-Mệnh thứ 14 có lệnh việc phòng sông và bảo cô đê, lấy quan Đốc-phủ làm đầu, Bô-chính làm thứ, phủ huyện và các viên tỉnh-phái lại là thứ nữa, khi đề nghị lấy 1 nhân viên nào do Đốc-phủ cứ thực đăng vào danh sách tâu lên đợi lệnh chỉ giao ra Bộ làm và xử trí.

Danh-sách cứ 3 năm 1 lần, kê các viên tỉnh thuộc và nha-dịch các phủ huyện từ bát cừu-phẩm trở xuống, ai



là người cần-mẫn để ban ân thưởng, cùng do Đốc-phủ lấy công bằng làm danh sách. Phân xử việc võ để lại lấy phủ huyện và các phái viên làm đầu.

Bồ-chánh là thứ, Đốc-phủ lại là thứ nữa, việc có cần phải phân xử các nhân viên, đều do quan Đốc-phủ làm danh sách tâu lên đợi lệnh-chỉ giao Bộ Lại nghị xử.

Để mới đáp không được kiên cố, xét hỏi vào người lại dịch và chuyên-biện. Để đáp không kiên cố không hợp thức, người bị phân xử nhiều ít do quan Đốc-phủ Bồ-chánh xét hỏi làm danh sách tâu, đợi lệnh chỉ giao Bộ Lại nghị xử.

Để mới đáp không kiên cố, cần bắt bồi thường đáp lại, khi đáp xong, do quan Đốc-phủ tâu lên, phái quan Kinh (1) về khám thực tâu lên, đợi lệnh chỉ định đoạt.

## ĐIỀU 8

### Hạch tiêu khảo thành

Năm Minh-Mệnh thứ 10 có lệnh-chỉ cho đình-thần (2) chọn quan Kinh từ ngũ phẩm lấy 3 viên, tư-vụ (3) và thư lại 10 người ra Bắc-thành, xét ngân sách chi tiêu việc đề ở các

---

(1) Quan ở trong Kinh đô.

(2) Các bầy tôi trong triều.

(3) Người giữ việc.

phủ huyện, chiều các đoạn lạc, các công-trình, thân đền nơi khám xét, sớ tiền đã tiêu cùng với thước tắc công-trình bồi đắp, hai bên phù hợp nhau, cho hợp công các món tiêu lại và tâu lên.

## ĐIỀU 9

### Tài thực cấm lệnh

Năm Gia-long thứ 8 có lệnh, các đường đê ven sông mỗi khi nhân nước vỡ, như năm Bình-dẫn, ở Thành đã có lệnh truyền cho các Trấn, các phủ huyện chiều theo các công đê ven sông, đoạn nào chưa giống cây lau đều phải giống cả ; giao cho dân cứ theo chân đê cách ngoài 5 thước hoặc 7 thước trở ra đều tùy xa gần giống cây lau, cứ mỗi trượng 3 chỗ, mỗi chỗ giống 2 cây, để chông đỡ thể nước sóng vỡ vào thân đê.

Lại có lệnh các kỳ đi khám các đê điều và đốc trúc (1), các quan lại các nha không được lấy tiền của dân và không được bắt dân khiêng gánh chuyên chở cho mình, trái với điều cấm này, xét có thực phải trị tội.

Lại có lệnh các bụi gai rậm dưới gốc cây chân đê, không phải là lúc hộ đê không được chém chặt đi.

Năm Minh-Mệnh thứ 9 có lệnh các chân đê mới cũ, trừ đoạn nào giống tre đã tốt, còn đoạn nào chưa giống và đã

---

(1) Đốc vắc đắp đê. (Tiếng chuyên môn)

giống mà còn thừa thớt, đều phải giống thêm và giao cho dân bảo thủ.

Lại có lệnh-chỉ giống tre trên đê, cấm không được thả trâu, bò, ngựa vào, và các thứ cây khác không được giống.

Lại có lệnh các công nước chỗ đê mới làm xong, giao cho dân trông nom đóng cửa, lúc cần dùng đê, được phép lên trình quan địa phương xét có nên cho mở, chuyển báo cho quan đê-chính cho mở đê tiêu nước ứ đọng, nếu cầu lợi nhỏ không trình báo quan trên, tự tiện mở cho nước phóng ra, sẽ bị trừng phạt.

Lại có dụ, đắp đê mới đê riêng ra mấy đoạn, không nên khoán cho thầu làm, nên khoán cho dân sở tại hoặc bên cạnh làm, công-trình thổ đầu lượng xem thực hết bao nhiêu, tâu trước đê cấp tiền công chỉ vào việc đắp ; các quan địa phương, quan Đê-chính phải gia tâm đôn đốc nghiêm cầm các lại-ty không được ăn bớt tiền đê sinh tệ, nếu sơ suất một chút nào, đem người chuyên-biện ra nghiêm phạt không tha.

Năm Minh-Mệnh thứ 11 có dụ, khuyến khích giống cây là việc quốc-kê dân-sinh thực có ích lợi cho dân, trẫm đã từng bắt trong, ngoài Kinh-thành khắp mọi chỗ giống cây Ba-la-mật cây Nam-Mai là những cây gỗ tốt, đã được nhiều gỗ tốt để dùng, nay truyền lệnh chỉ cho các quan địa-phương

sức cho các binh lính dân-đinh khắp trong thành và 2 bên đường quan-lộ, giống cây Ba-la-mật, ven bờ đê giống liễu, lấy gỗ dùng vào việc công, hạn trong 3 năm giống được bao nhiêu phải làm số tâu.

Năm Minh-Mệnh thứ 14, xét việc giống tre rất hay, chỉ vì đất ngoại đê thấp, nên tre không lên được, nay cho tùy theo chỗ nào hiện đã có tre để lại che chở cho đê, còn chỗ khác hoặc giống tre, giống lau, lách hoặc cây cỏ, tùy từng chỗ mới là đúng.

Năm Minh-Mệnh thứ 16 có dự một hạt Hưng-Yên năm ngoái gặp phải thủy tai (1) trăm nghìn đền dân, đã tìm nhiều phương-pháp điều trị, nghĩ đền chỗ đê vỡ đắp lại rất khó, phải khai sông để bớt nước lụt, cũng là cái thê bất đắc dĩ, vậy có đào vào ruộng công thì miễn trừ thuế cho, vào ruộng tư thì chiều giá trả tiền lại. Lại nghĩ đền lúa cây các ruộng ấy không khỏi thiệt hại, nên xuống dụ này cứ mỗi mẫu cấp cho 20 học thóc. Chiều dụ này quan Đốc-phủ ngoài việc cấp thóc, còn phải xem đền người dân bị lụt làm lều trú ngụ, nên cho làm lên các thửa ruộng cao bỏ không cây, còn như ruộng lúa của dân không được đẩy xéo lên, nếu các người quản đốc dân phu và phủ huyện không nghiêm cấm được phải chiều giá tiền bồi thường

---

(1) Tai hại về nước lụt.

## ĐIỀU 10

### Sang tu công trình

Năm Gia-Long thứ 8 có lệnh, sau khi đắp xong, gặp phải kỳ nước lụt, quan Trần cùng các quan phủ huyện đều nên đốc sức các xã dân ra giữ đê để phòng nước lụt. Lại hàng năm tháng 4 sức cho các Trần hễ thấy nước sông dâng lên, nên ngày đêm chia nhau đi khám xét, đoạn đê nào xung yếu, phải đốc các phủ huyện bắt các xã dân đem đủ sọt đựng đất, tre gỗ, tre giồng, mai, cuốc đi hộ đê, như có đoạn nào khó có thể giữ được, 1 mặt phòng hộ (1) 1 mặt phi báo lên tỉnh phái ngay người cùng binh lính đến nơi cùng phòng hộ, trái lệnh bị tội.

## ĐIỀU 11

### Phòng hộ thưởng phạt

Năm Minh-Mệnh thứ 18 có chỉ dụ, nay cứ tỉnh Hưng-Yên tâu đê xã Mai.Linh 杜嶺 hiện phòng giữ được kiên cố, tâu xin thù lao, và lại năm nay nước sông dâng lên khác thường, đê điều rất có nguy-hiêm mà quan lại tỉnh ấy lại tìm

---

(1) Phòng bị và hộ trì.

phương-pháp hộ-trì được, thực là đáng khen, quan Đốc-phủ Lãnh-Binh đốc-biện (1) cùng các lại-dịch tùy biện (2) đã giao Bộ-Lại, Bộ-Binh 2 bộ phân biệt bàn định đề đáp lại các công khó nhọc.

Năm thứ 14 có chỉ dụ, tỉnh Hưng-Yên do đường ngựa phi báo công đề ở địa phận Sài-quật, Nhuê-dương mây xã huyện Đông-an bị phá vỡ, tỉnh này đã tiết thứ trâu đề nhiều chỗ nguy-hiểm đã phê cho phải hết sức phòng giữ, nay không giữ được, thực là bất lực mà ra thế, chả còn đồ cho mưa gió làm ra, chắt dặt không chắc được nữa, quan Đốc-phủ hộ đề giáng 4 cấp, Án-sát giáng 2 cấp, được lưu-dụng để xem sức sau này làm thế nào, còn lãnh-binh, quản-phủ (3) trước hết phải cách chức, lập tức phái 1 viên Thị-vệ mang theo 1 cái côn (4) dó do đường trạm đem viên Lãnh-Binh, quản phủ là người hộ đề ra phạt 20 trượng, nhưng cho ở lại công-sở gắng sức chuộc tội, nếu trong tuần nhật tìm phương pháp đắp lấp được chỗ đề vỡ, cũng lượng ân tha thứ cho, bằng không xuất lực đắp lấp được, đề vỡ rộng sâu mãi ra làm hại dân, tất phải phạt nặng không tha.

---

(1) Đốc thức làm việc

(2) Tùy theo làm việc

(3) Cai quản trong phủ, có lẽ viên Tri-phủ

(4) Cái côn cũng là cái gậy hay cái trượng

## NHA KINH-LƯỢC NGHỊ VIỆC ĐÁP ĐÊ

*Các khoản kê sau :*

**Kê :**

Đê vỡ có ba nhẽ :

1.— Khi trước đắp đê, quan tỉnh chia cho các phủ huyện, các phủ huyện chia cho dân, rồi những Tổng-lý bỏ lấy tiền dân, thuê người đắp đê ăn bớt, mà những đê làm thuê đắp đòi giá lấy tiền, không có vững bền.

2.— Các đê từ khi đắp ra thời chỉ một lần mà thôi, sau không có khi nào đắp thêm và bồi bổ, cho nên đê ày lâu năm phải mưa gió sụt thấp đi, vì thế hễ khi nước lớn không làm sao giữ được.

3.— Không có người coi, hoặc là những dân gán đê đào ra cho nước vào lấy lợi cá, hoặc là quân giặc cướp đào đê cho nước lụt để dễ bề ăn cướp, vì thế cho nên đê hay vỡ.

## Kinh-trình

### Quan Thống-Sứ,

Trước lấy việc này là việc quan-trọng hết lòng lo liệu, tôi xin cho 9 vạn đồng bạc để chia cho các tỉnh đắp đê, lập ra cách thức bỏ hết thói cũ.

**Khoản 1.**— Các đê xin chia làm 3 hạng, theo sông Nhị-Hà bắt đầu từ ngọn sông Thao cho đến cửa Luộc, gọi là đại-đê, các con sông con gọi là trung-đê, còn như những tiểu-bồi của dân vệ nông, thời gọi là tiểu-đê, ngày trước đắp đê nào cao rộng đều có mực cả, nhưng lâu nay phải mưa gió sa sút hoặc dân sự đào cuốc đi, đê không được rộng như cũ, bây giờ phải đắp thêm lại cả một lượt, như đê đại-hà thời nhân đê cũ mà đắp cao thêm 1 thước 5 tấc annam, mặt đê phải đắp thêm ra cho đủ 7 thước tây, chân đê cho đủ 25 thước tây.

Như trung đê thời nhân đê cũ, mà đắp cao thêm 1 thước annam, mặt đê thời đủ 5 thước tây, chân đê rộng đủ 18 thước tây, còn như tiểu bồi thời phải đắp cao thêm 5 tấc annam, mặt thời rộng đủ 3 thước tây, chân thời đắp rộng cho đủ 11 thước tây

**Khoản 2.**— Các đê trong các tỉnh, cũng có nhiều đoạn gần bờ sông, bây giờ phải liệu mà đắp rời ra đoạn đê mới khác, để phòng khi nước lớn, cách thức cao rộng xin cũng theo đê cũ mà làm mực.

**Khoản 3.**— Các tỉnh có đê là những tỉnh Hà-nội, Bắc-ninh, Sơn-tây Hưng-yên, Hà-nam, Thái-bình, Nam-định, Hải-dương,



*Ninh-bình, Hải-phòng, Hưng-hóa, phải sai mỗi tỉnh một ông quan tỉnh đề đi trông nom, và xin quan lớn tư cho các quan Công-sứ phát cho mỗi tỉnh một ông đốc-công đi hội đồng cùng quan tỉnh cứ như thế mà làm.*

**Khoản 4.**— *Các đề tỉnh nào thời tỉnh ấy phải đắp, quan tỉnh đi phân giao cho các phủ huyện ở trong tỉnh ấy, đề sức cho dân sự cùng đắp cả, mà tha tiền sưu (1) cho dân, không được theo như lệ cũ, cứ bắt dân sự gần đề đắp mà thôi.*

---

(1) Thời Pháp thuộc đánh thuế thân người Việt-Nam ai cũng phải đóng, hạng nhất (thẻ đỏ) mỗi người 3 đồng, các người có gia sản phải đóng, hạng nhì (thẻ xanh) mỗi người 5 hào, người dân nghèo phải đóng, sau tăng lên ai cũng phải đóng 2 đồng 5 hào cả, gọi là tiền công sưu, khi đóng rồi phát cho mỗi người 1 cái phiếu chỉ ghi rõ tên tuổi làng mạc, nghề nghiệp gọi là cái thẻ, người dân ra khỏi làng phải mang theo.

Xét đoạn này là lời đề nghị việc đắp đê của quan Kinh-Lược (có lẽ là ông Quận-công Hoàng-cao-Khải) tư ra Thống-Sứ, trong bản chính viết bằng chữ nôm, có lẽ các văn kiện công văn dùng tiếng Việt từ đây trước, xem lời văn viết còn quê không được dứt khoát, nhưng vẫn theo nguyên văn viết ra, không dám thêm bớt cũng là tồn cổ vậy, nhưng tiếc rằng không có niên-hiệu, không rõ vào ngày tháng nào.

## LƯỢC BIÊN CÁC VIỆC ĐÊ GẦN ĐÂY

Thâm-lý-Thần 沈履坦 phụng thảo.

Thường được nghe, có đê đề bảo vệ việc nông, không có nông lầy gì bảo vệ đê ; nước ta một con đê sông Nhị-Hà, từ trước nhà Lý đắp Đinh-Nhĩ, nối sau nhà Trần đắp Co-xá (1) các đêi sau bồi bổ thêm, tuy trong khoảng ấy không khô không vỡ lở, nhưng vỡ ra lại đắp lại, nông dân được nhờ từ đây đến giờ cũng đã lâu vậy.

Việc đê chính bản-triều lại càng nghiêm chỉnh hơn, nào văn nào võ có quan đề đốc-xuất, nào đại-giang, trung-giang làm đê có quy thức, bồi đắp làm có thời, bảo thủ riêng có người, biên chép trong quy tắc cũng đã tường tận lắm.

Khoảng năm Tự-Đức, bị vỡ ở Nhật-chiều 日焯 rồi vỡ ở Văn-giang 文江 bây giờ các vị đại-thần có tai mặt thấy công việc xảy ra luôn, mai cuộc không lúc nào rời, thời bảo nên bỏ đê đi cũng là thương dân khó nhọc.

---

(1) Có lẽ nhầm, nhà Lý đắp Co-xá mà Trần đắp Đinh-Nhĩ mới phải.

Nhưng bỏ đi thì mặt đất phía đông-nam thấp, thế tất phải chịu hại, chưa hẳn đã là hay là phải.

Thầy nước lũ mùa hạ dâng lên làm dữ, lúa ruộng tổn hại thì lại bảo nên đắp, cũng là thương dân đau khổ. Nhưng đắp mà công-trình làm lạo-thảo rút lại không được kiên cố, cũng chưa hẳn là có lợi hoàn toàn.

Phụng đọc câu thơ của Thánh-Thượng (1) « Tiên nhân thất sách tại tranh hà, duyên tập do lai thả nại hà » (2) 前人失策在争河，沿襲由来且奈何 dịch : Người xưa thất sách tranh đấu với sông, nối tiếp đến giờ biết làm sao được.

Lời Thánh-Thượng dạy đủ biết sau khi có đê, không thể bỏ đê được, thực là bản án (3) lớn của chính sách đê vậy.

Gán đây đê thường hay vỡ, cái nguyên nhân có 4 :

- 1.— Không biết hết địa lợi.
- 2.— Không thể tất nhân tình.
- 3.— Sự điều khiển không đúng.
- 4.— Thường phạt không đúng.

Xin trình bày dưới đây, hoặc giả được một đôi chút chẳng.

---

(1) Thường xưng vua là Thánh thượng

(2) Có lẽ viết nhầm ra chữ tư, chữ tiền mới phải, nghĩa là người đời trước

(3) Bản án đã suy xét kỹ.

1) Thế nào là không biết địa lợi ?

Thiết nghĩ đê lúc mới đắp, tất là xa sông, nhưng sông ngòi di chuyển ngày một khác, mà bãi cát bồi lấp lại bất thường, lòng sông nhân thế mà xê đi, cho nên những đê gần sông, bị thế nước xung kích, tất là bị thần sóng làm hại. Lúc nước lũ rạt xuống, lấy đất đắp lại coi thường, im đi không xin đắp ra chỗ khác, như có đắp chỗ khác thì lại thiên vị dân tình kêu van (cắm đê lần vào tất hại đến ruộng nương nhà cửa của dân, cho nên kêu van) không xét kỹ địa thế rộng hẹp, hoặc đắp cao thêm, hoặc phụ trúc, chỉ những đôi đá qua loa trước mặt.

Vì những cơ ấy đê cách sông không được bao nhiêu, đến khi thế nước vùn vụt như lao dâng lên, mà phòng thủ bị chướng ngại bức bách, nước lũ lấn xuống, đất cũ mất hết lở vào đến đất mới, đến lúc ấy hết kẻ chu toàn, chính lệnh càng phiền phức, bồi đắp một sức dân, phen cọc tổn hại của dân, trông hồi hận cũng không kịp nữa.

Nay xin quan Đê-chính đi xem xét chỗ đê gần sông, hết thầy đem trình chính-phủ Bảo-Hộ, trước hết di đê đắp xa cách sông chừng hơn ngàn thước tây, cao rộng lấy đê Hoàng-Xá làm mực, lòng sông khúc khuỷu tùy theo hai bên đào đất sa đi để được thẳng dòng, đừng để phạm vào thân đê, nếu không thi-hành to tát một lần, thời không có cái lợi muôn năm được.

Xin cứ đến tháng 11 việc làm ruộng xong thì khởi công làm, bây giờ dân được thư thả mà đề tát được kiên cố vậy.

2) *Thế nào là không thể tất nhân tình ?*

Thiết nghĩ trời đất có chỗ sút mẻ, thời sức người phải sửa sang, việc người có chỗ chưa chu đáo thời người trên phải giúp đỡ, đề-chính là một việc giúp đỡ lớn vậy. Gần đây thường thấy hàng năm làm việc, tính đường đi khắp nơi khám xét, suy lường địa-thê khó hay dễ, trừ liệu nhân-dinh nhiều hay ít, tính số người ra mà chia phần đề, trước làm như thế cũng là ý kiến vì dân.

Nhưng nào có thể, người có trách-nhiệm đối với dân lại không lấy đề là nguồn sống của dân, mà là cái túi lợi của mình, giẫy tỉnh sức về, không tuân hành ngay, dương vi hội họp, ngầm tự đổi thay.

Cái tệ hại ấy là :

1.— Đề phần đề lưu lại (ngầm bán xuất đề, miễn cho đi đắp, lấy tiền tiêu riêng).

2.— Đề phân biểu (biểu quan, biểu nha, biểu người đóc xuất), mưu mách đề chậm lại vài ba tháng mới cho dân nhận phần đắp đề. Đền lúc đắp đề, nào lính lệ của nha sai, nào đóc viên của tỉnh phái, đút lót chưa xong thì rồi vọt đưa đền, dân đã làm việc nhọc mệt, lại còn bị hành hạ, cung đôn khổ sở liệu có vui thích làm việc được chăng ?

Lại có cái tệ cô khoán, mỗi đèn kỳ đèn, ngày ngày đèn chậm, nói là chia đèn cho nhân xuất chưa xong, chỉ là cái kẻ đèn lại bán ngầm làm của riêng, đèn gần ngày hạ-tân, lệnh trên nghiêm ngặt, kỳ hẹn thúc khân, tổng lý mới xướng lên thuyết đầu cô, đều là ức dân cô khoán đèn lấy lợi nhiều hơn, trên thêm với dưới sân (1) mà cách xa nhau, ai dám nói lên cho quan trên biết được.

Nay xin có đáp đèn mới, công trình quy thức là mây trưng mây thước, mỗi đình phần thụ là mây thước, mây tấc, yết-thị rõ trên mặt đèn, cũng như lệ niêm yết chỉ bài nộp thuế và theo từng xã thôn mà nêu lên, cho dân nhận phần đèn đáp, tổng lý không thể dấu diếm đòi đá được, người cần được khuyến khích, kẻ lười phải đốc thúc, thì người nào cũng tận lực về đèn cả.

### 3) Thế nào là điều kiện không đúng ?

Dân ai chẳng có thân, có gia-đình, mà giữ cho thân, cho gia-đình thiết yếu không gì bằng giữ đèn.

Thường thấy mây năm về trước, hề có làm đèn không kẻ thủy - thể - sơ - cấp, có khi bắt dân ở thượng du xuống đáp ở hạ - lưu, có khi bắt dân ở cách sông sang hạt

---

(1) Tinh đường hay phủ đường chỗ quan làm việc, nói trên thêm dưới sân cách xa, là không ai dám lên kêu quan.

khác làm, thật là đường sá xa xôi, gia hương không phải của mình không thiết, trên bị người đốc xuất tham tàn, dưới bị đám tổng-lý bùng bít, mà lại làm việc ở chỗ không phải lo đèn, tuy việc chung lo làm chung, đã hẳn vui làm việc cho đất nước, ca tụng mà không oán ngấm chẳng ?

Cho nên mỗi khi đắp đê, đổ bùn cát vào, cầu cho được chóng cao rộng, kẻ chống hòn đất chẳng có dính dáng với đâu, dứt lốt bầm quan trên nhận cho xong, trời mưa một trận, cứ chỗ kẽ vỡ lở ra, làm như thê, đê đất mà là đê giầy, sao đương nổi với ngọn nước dâng !

Nay có khởi công bồi đắp, xin bắt các dân phu ở gần đê xuất lực ra làm, mà các phủ huyện ở xa xuất tiền tài để cấp cho phu, thời kẻ gần thiết đèn mình mà hết sức đắp, người xa khỏi phải đi làm cũng vui lòng đóng góp, làm như thê người trên không phải tiêu đèn món tiền công, kẻ dưới cũng thỏa lòng vậy.

#### 4) *Thế nào là thưởng phạt không đúng ?*

Thường thấy đê khởi công đắp, khi mới kẻ trưng thước dài vấn, cấp tiền cho dân làm ; đến lúc đắp xong, lại hạn 3 năm bảo cô mới giao hết số tiền còn lại và phép thưởng phạt ở trong điều lệ cũng đã rõ ràng lắm.

Nhưng ngày gần đây, dân đi đắp đê chỉ thấy chông gậy nắm cơm đã từng đói khổ, lấm chân nhọ tay, hết nổi

nhọc nhằn, nhà nước tuy có ra ân cấp phát cho, tất do nha lại phát giao, tổng lý đứng nhận, chúng kê ra nào tiền bút giấy, nào lễ tạ quan, số tiền đến dân không còn bao nhiêu.

Kia dân khó nhọc là thế mà lũ chúng những lạm như thế, muốn trích số tiền ra thì như ma khôn ăn giàu, khó mà truy tróc được, dầu đi thời cái thói hồ lang nuốt sòng còn mãi, ơn người trên cho mà không khắp đến kẻ dưới là thế.

Lại các phủ huyện đi đắp ở các hạt khác, ít có chân thật thừa hành, thường thường khoán cho người ở đây làm, cầu cho rồi việc, bồi bác che mặt bề ngoài cho chóng xong, sau lúc đã hoàn thành, nhất thiết ủy cho sở tại không đoái hoài đến, nếu có quản ngại việc gì, cũng không truy cứu vào đâu.

Đã không phải là dân ở đây tức là không phải việc làm ở đây, một cái đề dài, công trình to lớn thế kia, nhân lực một hạt không làm nổi, cho nên tỉnh-đường phải gọi thêm đề cùng gánh vác và chia sẻ cái lo chung, sao lại coi là không phải phận sự mà thị thường như thế ?

Nay xin các dân phu làm ở mặt đề, mỗi ngày nên cho tiền bao nhiêu (phải hỏi kỹ không phải là người làm khoán mới được) do quan Tây đứng phát trước mặt, thời tổng lý không xen đến được, mà người dân mới được hưởng ân huệ vậy.

Còn như phần đề, hạt nào nên đắp chỗ nào biên rõ vào bản án, khi đề đã y thức rồi, nên bắt phủ huyện và thương,



bang (1) ở đây thay nhau bảo thủ, nếu có sơ xuất xảy ra chiều luật nghị xử, và nghiêm hạn bảo cộ 3 năm, theo như lệ cũ, thời đề có thể giữ gìn không lo ngại được.

Tôi lại thường được nghe, dân cần cái ăn, việc hưng công đắp đê này cũng là một chính sách cứu-hoang (2) rất hay, năm nay đề nhiều chỗ bị vỡ, mưa thu làm hại, lúa ruộng ngập lụt, 10 phần mất đến 7, 8, dân tất thiếu ăn, xin sức xuống các nha, xét dân trong hạt có ai tình nguyện ứng mộ làm đê, hàng ngày cấp tiền công cho đủ lương ăn, theo y như lệ quan Tây thuê đắp đường xe lửa, thời chúng không phải cái phiền độc thúc mà lại được no bụng.

Ấy cũng là lấy công việc thay cho phát chẩn, khi việc đê xong, lúa chiêm chín, số tiền cấp phát hết bao nhiêu chia làm hai thành, cứ theo đầu mẫu ruộng sức phải nộp, một thành lấy về mùa hạ, một thành lấy về mùa thu, thời tiền công của nước không tồn, mà nhân dân ca tụng ; ý kiến nông cạn của tôi như thế, xin nói ra đây chưa biết có hợp không.

Phụng xét, sông cần phải có đê chỉ vì dân cần phải cày cấy, cho nên đê không thể một ngày thôi được thì dân không thể một ngày bỏ bê việc đê được, xin trình bày dưới đây đề cấp trên các ngài xét :

Nay các đoạn đê đều nên tu bổ lại, sau khi đã thành đê cao và rộng rồi, xin sức các người dân nghèo ở các xã gần

---

(1) Thương-tá, bang biện

(2) Cứu nạn đói.

chung quanh đê được phép đắp làm nhà ở dưới chân đê ; nếu xã nào địa phận đê dài mà dân đinh ít, thì cho dân đinh trong tổng ấy hoặc các người ký ngụ đền ở đê chúng có liên lạc với nhau.

Tùy theo từng chỗ cho ở phía trong hoặc phía ngoài đê, nhưng chỉ cho làm nhà ở một bên thôi.

Như thế người dân đã có gia đình ở chân đê, khi sông có nước lũ về tất là chúng tha thiết đền gia đình phải cần cù săn sóc canh phòng.

Nhưng cho ở bao nhiêu nhà và số người có bao nhiêu phải có danh sách.

Việc đắp đê xin cứ mỗi năm đắp thêm bề mặt cùng là trên vai dưới chân ra cho rộng, đắp lồi phình tang trông.

Món tiền phí tổn đắp đê tùy theo công việc lớn hay nhỏ nên liệu mà miễn cho người dân ở chân đê.

Số tiền này xin bỏ vào ruộng của những người dân ở xa đê phải chịu (mỗi mẫu mây xu) giao lại cho dân ở chân đê nhận tu sửa và bồi đắp đê.

Khi đắp cần có quan Lục-lộ khám xét y thức mới được.

Chính sách làm như thế, người dân ở xa đê khỏi phải đi làm khó nhọc mà vui lòng đóng tiền mượn người làm thay người ở chân đê mừng có chỗ ở rộng rãi lại có việc, có tiền tất là cần cù tu bổ.

Cách thức đắp đê cho lũy đất ở men sông phía ngoài đê, đắp vào thân đê phía trong, bởi vì phía ngoài hàng năm có sa bồi lũy đất tiện hơn, phía trong dành lại đê hàng năm đắp thêm chân ra.

Làm như thế thì chỉ trong khoảng 5, 6 năm, đê điều mọi chỗ hàng năm đều được đắp thêm mãi, cao rộng coi như gò đồng cả, thiết tưởng thần sông cũng không làm gì được, dân ta sau này chắc chắn không phải khó nhọc đi đắp nữa.

---

## HUYỆN THANH-TRÌ 青池 12 TỔNG

---

### 1.— TỔNG THANH-TRÌ 青池 總

|                         |       |
|-------------------------|-------|
| Xã Thanh-Trì            | 青池社   |
| Châu Đồng-nhân          | 同仁洲   |
| Sở Vĩnh-Tuy             | 永綏所   |
| Xã Nam-dư               | 南余社   |
| Xã Khuyển-lương         | 勸良社   |
| Xã An-duyên             | 安緣社   |
| Xã Thúy-Ái              | 翠靄社   |
| Sở An-duyên thôn Thượng | 安緣所上村 |
| Sở An-duyên thôn Hạ     | 安緣所下村 |

### 2.— TỔNG THỊNH-LIỆT 威烈 總

|                              |        |
|------------------------------|--------|
| Xã Trương-Mai                | 湘枚社    |
| Xã Thịnh-liệt thôn giáp nhất | 威烈社甲一村 |

|                              |        |
|------------------------------|--------|
| Xã Thịnh-liệt thôn giáp nhì  | 盛烈社甲二村 |
| Xã Thịnh-liệt thôn giáp tứ   | 盛烈社甲四村 |
| Xã Thịnh-liệt thôn giáp lục  | 盛烈社甲六村 |
| Xã Thịnh-liệt thôn giáp thất | 盛烈社甲七村 |
| Xã Thịnh-liệt thôn giáp bát  | 盛烈社甲八村 |

### 3.— TÔNG KHƯƠNG-ĐÌNH 姜亭總

|                                  |         |
|----------------------------------|---------|
| Xã Khương-Đình thôn hạ           | 善亭社下村   |
| Xã Nhân-mục thôn cựu thượng đình | 仁睦社舊上亭村 |
| Xã Nhân-mục thôn cựu hạ đình     | 仁睦社舊下亭村 |
| Xã Nhân-mục-môn thôn quan nhân   | 仁睦門社官人村 |
| Xã Nhân-mục-môn thôn Cựu Lộc     | 仁睦門社巨祿村 |
| Xã Nhân-mục-môn thôn Minh kinh   | 仁睦門社明經村 |
| Xã Nhân-mục-môn thôn giáp nhất   | 仁睦門社甲一村 |
| Xã Định-công thôn thượng         | 定功社上村   |
| Xã Định-công thôn hạ             | 定功社下村   |
| Xã Kim-lũ                        | 金縷社     |
| Thôn Đại-từ                      | 大慈村     |

### 4.— TÔNG THANH-LIỆT 青烈總

|               |     |
|---------------|-----|
| Xã Thanh-liệt | 青烈社 |
| Xã Bằng-liệt  | 憑烈社 |
| Xã Tựu-liệt   | 就烈社 |
| Xã Linh-đàm   | 苓潭社 |
| Thôn Tứ-kỳ    | 四岐村 |
| Thôn Pháp-vân | 法雲村 |

|                  |     |
|------------------|-----|
| 5.— TÔNG NINH XÁ | 寧舍總 |
| Xã Ninh-xá       | 寧舍社 |
| Xã Diên-trường   | 延長社 |
| Xã Hạ-thái       | 賀泰社 |
| Xã Nội-am        | 內庵社 |
| Xã Bằng-sỏ       | 憑所社 |
| Xã Thọ-am        | 壽庵社 |
| Xã Phúc-am       | 福庵社 |
| Xã Nhụy-Châu     | 蕊珠社 |
| Xã Đại-lộ        | 大路社 |
| Xã An-phú        | 安富社 |

|                    |     |
|--------------------|-----|
| 6.— TÔNG VĨNH-NINH | 永寧總 |
| Xã Vĩnh.ninh       | 永寧社 |
| Xã Đại-áng         | 大盎社 |
| Xã Nguyệt-áng      | 月盎社 |
| Thôn Vĩnh-bảo      | 永保村 |
| Thôn Vĩnh.trung    | 永忠村 |

|                   |     |
|-------------------|-----|
| 7.— TÔNG VẠN-PHÚC | 萬福總 |
| Xã Vạn-phúc       | 萬福社 |
| Xã An.mỹ          | 安美社 |

|                   |     |
|-------------------|-----|
| 8.— TÔNG THÂM-THỊ | 琛市總 |
| Xã Thâm-thị       | 琛市社 |
| Xã Thâm.dương     | 琛陽社 |

|               |     |
|---------------|-----|
| Xã Thâm-hồ    | 琛胡社 |
| Xã Thâm.xuyên | 琛川社 |

9.— TÔNG VÂN.LA 雲羅總

|                       |       |
|-----------------------|-------|
| Xã Vân.la             | 雲羅社   |
| Thôn thượng xã Vân.la | 雲羅社上村 |
| Thôn nội xã Vân.la    | 雲羅社內村 |
| Xã Thận.vy            | 慎為社   |
| Xã Nỗ.bạn             | 弩伴社   |
| Xã Dương.tảo          | 陽早社   |
| Xã Đông-danh (1)      | 東名社   |

10.— TÔNG CỔ.ĐIỂN 古典總

|                                 |          |
|---------------------------------|----------|
| Xã Cổ.điền                      | 古典社      |
| Xã Cương.ngô                    | 崗吾社      |
| Xã Hoàn.cung                    | 覺宮社      |
| Xã Quỳnh.đô                     | 瓊都社      |
| Xã An.ngư                       | 安牛社      |
| Xã Văn.điền                     | 文典社      |
| Xã Đồng-trì                     | 銅池社      |
| Xã Đồi.phái                     | 對派社      |
| Thôn Vinh-bảo thị xã Vinh-trung | 永忠社 永保市村 |
| Thôn An-kiệm xã Vinh-trung      | 永忠社 安健村  |
| Thôn Ngọc-hồi xã Vinh-trung     | 永忠社 玉珣村  |
| Thôn Ích-vịnh xã Vinh-trung     | 永忠社 益詠村  |

(1) Bản chính không viết rõ chữ danh hay triệu.

11.— TÔNG NAM PHÙ

|                              |         |
|------------------------------|---------|
| Xã Nam-phù                   | 南扶社     |
| Thôn Tuất.an xã Phù.liệt (1) | 扶烈社 鉞安村 |
| Thôn Tự.khoát xã Nam-phù     | 南扶社 寺濶村 |
| Thôn Hưu.liệt xã Nam-phù     | 南扶社 休烈村 |
| Xã Tranh.khúc (2)            | 琿珊社     |
| Xã Đông-Trạch                | 東澤社     |
| Xã Mỹ.a                      | 美婀社     |
| Xã Văn.vệ (3)                | 文衛社     |
| Xã Tương.trúc                | 湘竹社     |

12.— TÔNG HÀ LIỄU

|                            |         |
|----------------------------|---------|
| Thôn Khánh.Vân xã Hà.liểu  | 河柳社 慶雲村 |
| Thôn Hoàng.xá xã Hà.liểu   | 河柳社 黃舍村 |
| Thôn liễu.ngoại xã Hà.liểu | 河柳社 柳外村 |
| Thôn Giang.hà xã Hà.liểu   | 河柳社 杠河村 |
| Thôn Liễu.nội xã Hà-liểu   | 河柳社 柳內村 |
| Thôn Vĩnh.dụ.tứ            | 永裕四村    |
| Thôn Thản.giản             | 瓊簡村     |
| Thôn Xuân.nê xã Hà-Liểu    | 河柳社 春泥村 |



- 
- (1) Bản chính viết không rõ chữ Việt hay chữ Tuất.  
 (2) Chữ khúc này tra trong Tự-diện không có, tạm đọc khúc  
 (3) Chữ Vệ này viết thảo không rõ, tạm đọc là Vệ



Ngày tháng giêng năm nay, Lý-trưởng Khoát cùng tên Lận tự tiện đem bán cho tên Bảo, tên Vinh, tên Từu, tên Luật, tên Nguyễn mỗi người 1 năm trừ đê điều các khoản và lấy của dân đình bảo là phải chịu tiền hoành uôn (1) 19 đồng, các khoản trên chia nhau ăn tiêu.

Một khoản là thôn này phần thụ 3 cây cọc gỗ đắp đê, lý-trưởng cùng tên Lận thông đồng với Chánh-phó tổng tự tiện bán cho dân đình 4 tên, tên Kinh, tên Phán, tên Tình, tên Chu mỗi tên 20 đồng, giao Chánh, phó tổng 45 đồng còn 35 đồng chúng tiêu riêng.

|   |   |         |
|---|---|---------|
| Nhật đảng tư điền 46 mẫu, mỗi mẫu 1\$50     | = | 69\$00  |
| Nhi đảng tư điền 118 mẫu, mỗi mẫu 1, 10     | = | 129, 80 |
| Tam đảng công điền 39 mẫu, mỗi mẫu 0, 80    | = | 31, 20  |
| Tam hạng thồ 22 mẫu, mỗi mẫu 0, 40          | = | 8, 80   |
| Hướng thưởng cộng cả tiền gia.lục (2) thành | : | 247\$80 |

Trước nay dân làng chiêu bỏ tư điền 164 mẫu, phần thụ công điền công thồ, bị Lý-trưởng Đoàn-hữu-Nhuận và đệ nhất kỳ mục Tạ-văn-Nghi viết sô bỏ, đồng tình với điền hộ chức sắc là Đỗ-xuân-Thiếu, Phạm.đăng-Sai, Đỗ-xuân-Nghi, Nguyễn-văn-Nhược, Nguyễn-đức-Nùng, cùng phần thu là Nguyễn-tăng-Đang, Tô-văn-Tường, Nguyễn-văn-Chứ, Nguyễn-văn-Đĩa, chúng ký tên điền chỉ bỏ mỗi mẫu 2\$30, tiền ngoại mỗi mẫu

---

(1) Hai chữ này viết nôm chưa rõ nghĩa, hoặc là thồ-âm riêng

(2) Tiền gia 6 phần trăm

4 tiền, bạc cộng được 377 \$ 20, khấu trừ đệ nộp ra còn được  
thặng 129 \$ 40 tiền ngoài được 45 quan 6 tiền.

Đinh tráng 159 xuất, phần thụ tạp dịch mỗi xuất 6 tiền,  
cộng được 95 quan 4 tiền.

Tiền sưu thặng được 35 \$ 10, tiền ngoài sưu 53 quan 2 tiền.

#### BÌNH GIẢI :

Viết đến đoạn này rất nổi ngạc-nhiên, nhưng nghĩ ra tiền nhân biên chép lại  
những việc có thực, ngày tháng, có tên người phủ thu lạm bề (1) để chứng thực  
cái tệ hại trong khi đắp đê, đời sau biết thực trạng nhân dân phong tục và chính-  
trị triều đại ấy là như thế. Xét ra Tổng-lý do nhân dân bầu ra để thừa hành mọi  
công việc của dân và Chính-phủ, ăn của nhà làm việc nước, thì kéo chân người  
đắp chân nhà cũng là lý lẽ tất nhiên, nhưng còn quan tham lại những (2) đánh đau  
lấy liên, không phải là không có, sao không thấy chép vào đây, ý hẳn trong thời  
phong thực, ngòi bút còn e ngại mà không chép chẵn.

---

(1) Bề và thu tiền ra ngoài chính cung

(2) Quan tham tiền, nha lại những nhiều

Thuộc-hạ Nguyễn-đức-Huỳnh 阮德莹 cúi đầu kính bái  
lời lên Ngài định đoạt.

Nay tướng công lo toan việc quốc kế dân sinh (1) cho  
nên ngày đêm trù tính việc đắp đê, là một đại-công-trình hân  
dân trong hạt không khỏi một phen khó nhọc. Tướng công sửa  
sang sông đê phen này, công nhiều mà oán cũng lắm, nhưng  
sau ngàn năm tất là công còn mãi mà oán phải hết đi.

Ngày trước Từ.Sản làm chính dân nói rằng : ai giết Từ-  
Sản ta cùng đi với; sau ba năm lại khen rằng : Ta có ruộng  
nuông Từ.Sản sinh lợi cho ta, ta có con em Từ.Sản sinh lợi  
cho ta, Ta có con em Từ.Sản dạy dỗ cho. Cho nên người quân-  
tử làm cái gì, người thường không biết trước, khác chi vua  
Ngô trị thủy ngày trước, đến nay công vẫn còn.

Đất có sông ngòi, cũng như người có huyết mạch, cần  
phải lưu thông không thể ứ tắc được ; tình nước thích đi  
đường thuận không thích lối nghịch, cho nên thời vua Vũ chỉ  
nói khơi nước đi, chưa thấy nói ngăn giòng nước lại ; Vua  
Bàn-Canh cũng nói : tránh cho nước chảy đi, chưa thấy nói  
đắp đê phòng ngự.

Xét việc đắp đê tự nhà Trần, cùng với sông tranh lợi hại  
chỉ là làm bận lòng quan kiệt sức dân mà chông với nước lớn  
sóng cả chứ không phải là bài toán hay.

---

(1) Kế hoạch của nước và nguồn sống của dân

Nhưng sau lúc đã có đê, đã thành quy cũ rồi, hàng năm nước lũ về, nước chảy phù sa theo, ngày bồi đắp thêm, bãi sông đại.hà, so với đồng bằng lại cao hơn ; nếu bây giờ bỏ đê đi thì nước lũ trên dồn xuống, nước triều dưới dâng lên, đất Trung-châu không khỏi úng thủy (1) cái thuyết sau lúc có đê không nên không có đê là đúng lắm.

Vả lại phép đắp đê cũng như phép trị mụn nhọt, cho vỡ ra bên này hay bên kia, không bằng đem thuốc rút cái độc đi, đừng để cho vỡ ra là hơn, nhưng phải chữa trước lúc chưa có bệnh mà trị trước ngày chưa vỡ mới được.

Hiện giờ các hạt, sự đắp đê làm bậy không xiết kể, việc làm lạo thảo, hoặc nhân cũ mà chỉ bù chỗ khuyết, ngoài trông kiên cố, bên trong thực nhiều khe hở, đến lúc nước lũ thủy thâm lậu mới đi sửa chữa ; khi có vỡ đê thì các vật liệu hạp-long (2) lại là kẻ sinh-nhai của nha-lại tổng-lý, thật là cái tai hại của dân của quan mà lại là cái dịp may của tụi ấy.

Nay xin thương nghị đặt ra 1 hội-đồng cùng với quan Lục-lộ, luân lưu đi khám các đường sông, chỗ nào xung kích nên di đi thì di đi, chỗ nào co queo chật hẹp nên mở rộng ra thì mở rộng, còn như điều lệ cách thức xin theo như cũ thi-hành.

---

(1) Nước úng tắc đọng lại

(2) Hạp chỗ đê vỡ lại gọi là hạp-long

Vả lại bên tả Nhị-Hà, sông ngòi 5 huyện, như Thiên-Đức, Nguyệt-Đức, Hàm-Long, Nghĩa-Trụ mây con sông ; bên hữu như sông Tô-lich cùng là đoạn cuối sông đên Hải-phòng, nhiều chỗ chật hẹp có chỗ chỉ đi lọt cái thuyền.

Các cửa bê thuộc Nam-định như cửa Ba-lạt, cửa Luộc ; Ninh-bình cửa Đài, cửa Thần-phù, rất khẩn yếu là cửa Văn-úc Hải-dương, cửa Cầm Hải-phòng và các sông cũ đều bị bồi lấp cả.

Đều xin hết thầy khai ra, có thể lấy nước có lợi, mà lúa ruộng không lo, một lần khó nhọc, nhàn hạ lâu dài, hẳn là thành công ở lúc này.

Nếu sợ phí tổn không chịu làm kế hoạch lâu dài, thời cửa bê sa bồi ngày ứ lại, dòng sông ngày tắc thêm, tất là nạn nước ngày nhiều, chồn này đắp xong, chỗ kia lại vỡ, tưởng cuộc trị thủy cũng khó rồi được ; chức phận nhỏ nhen mạo muội dâng lên, xin Ngài soi xét.

NGUYỄN-HUYỀN ký

Ngày 20 tháng 8 năm Thành-Thái 17, phụng biên.

**Kê :**

Quyển Chương Hưng-yên Tuấn-Phủ quan phòng kiêm  
Bô-Chính ân triệu thự Án-sát-sứ, tôi Nguyễn - văn - Siêu

權掌興安巡撫關防兼。布政印篆署按察使臣阮文超 (tập số trừ phòng đê sông).

Theo Dụ, trừ liệu việc phòng sông đê, kính cần tâu lên, xin Thánh Thượng soi xét.

Phụng chiếu ngày 13 tháng 9 năm nay, tiếp Bộ Công sao lục thượng dụ rằng :

« Việc đê điều Bắc-kỳ rất lợi hại đến dân, chính sách trong nước cần phải làm».

Trẫm, từ lên ngôi trị dân đến nay thường nghĩ trừ kẻ hoạch làm lợi cho yên dân phương ấy, nhân nghĩ đến một giải sông Nhị-Hà, từ xa chảy lại, hàng ngàn sông ngòi hợp lại, muôn giòng nước tranh đua, thế nước vồn trước chảy tràn, trước đời Trần không có đê, từ đê Đinh-Nhi đắp lên, mà đời sau nhân theo, hẳn là trước khi chưa có đê, đã có thủy hại, nên mới phải đắp đê, mà đến lúc có đê cũng chưa thấy có lợi hoàn toàn.

Bởi thế những người bàn từ trước đến giờ, hoặc lấy lẽ sau khi có đê không nên không có đê, thời bảo là nên đắp ; hoặc lấy lẽ các hạt không đê cũng không có cái gì hại lắm thời lại bàn bỏ đê ; hoặc trong các tỉnh, chỗ cao được lợi có sông ngòi chung quanh bảo là nên đắp ; chỗ hội trũng ở nhà sà đi bằng thuyền lại nói nên thôi, bàn luận phân vân không một mặt nào. Làm người dân có khi cùng một hạt đã xin bỏ đê lại xin đắp đê, tiền hậu bất nhất, đến như nước ngập vào ruộng, chỗ này rằng hại, chỗ kia rằng lợi, yêu ghét

không như nhau, luận thuyết phân vân, chưa có chiết trung một lẽ phải.

Đắp đê thời hàng năm dù công dù tư cũng phải phí tổn khó nhọc, ấy là dĩ nhiên ai cũng đã biết ; bỏ đê đi thì dân có khi phải di đi ở chỗ khác, là một lập luận mới ai cũng phải sợ.

Nhưng Trảm lầy lý mà suy, việc thiên hạ không cái gì toàn lợi mà cũng không toàn hại, việc làm đến chỗ chí lý, nên cân nhắc xem lợi hại thế nào, theo cái lợi nhiều hại ít mà làm thì hơn.

Nếu xét được mỗi lợi hại lớn của xứ Bắc kỳ, không câu nệ chấp nhất, xem thế nước, xét địa hình, dựng lên một đường lồi làm cho đúng, há không tìm được một thuyết nhất định sao ?

Nay truyền lệnh cho các viên chức thượng cấp ở các địa phương có sông tại xứ Bắc kỳ phải khám xét kỹ, đề điều các tỉnh ấy nên đắp, nên thôi, lợi hại thế nào, và nên làm ra sao, phải tận tâm trừ tính rồi trình bày tâu lên để Trảm định đoạt.

Việc này các thượng cấp phải nhận thật xét kỹ, mà trình bày ý kiến của mình, không cần dân khai những lời không đầu và không có ý kiến chung.

Ngày tiếp được Dụ này, phải yết thị mọi nơi, những người dân trong hạt, sinh trưởng ở đây, có ai biết được nguyên do, việc đề nên đắp nên thôi và có mưu kế trị thủy nào hay điều cho nên trình bày, do quan địa-phương cứ thực đề đạt lên, để

tổ triều-đình hỏi mưu cả đến người cắt cỏ như ngày trước, cũng là để rộng đường xem xét.

Lại sức cho các đình thần, nên đa tâm xem xét, chức lượng đời trước suy nghiệm ngày nay, việc đề nên đáp, nên thôi thế nào, đường lối làm thế nào, cho trình bày tâu lên đợi Trẫm lựa chọn để làm.

Trẫm ở trên cả muôn dân, các người trong ngoài đều là giúp đỡ một Trẫm cả, làm chính để yên dân, việc này quan-hệ rất lớn, lợi hại không phải tầm thường, nếu muốn đáp lên việc chưa dễ theo lời cũ mà làm, muốn bỏ đi việc không phải để đây mà thử. Các người trình bày tâu lên, phải phân biệt lợi hại có chứng có xác thực, cần làm cái chức về lâu dài để phúc cho dân được yên ổn, để rộng kiến văn của ta cùng các người bàn định, cố gắng nghĩ đi, không nên phụ phiếm và ần dậu, phải kính cẩn tuân hành Dụ này ».

Khi ấy tôi đã lục sức cho các phủ huyện tỉnh tôi tuân và yết thị cho dân trong hạt đều biết.

Tôi ngày đêm ngâm nghĩ lời nói trong Dụ và nghiên-cứu đã thấy chính sách phòng sông của Hoàng-Thượng cũng đã chăm chức thêm bớt của cỏ kim rồi, lại còn muốn suốt hết cái ý kiến phân vân của kẻ trí người ngu, để phò bày phải trái ra công chúng đưa đến chỗ nhất-định, cần có cái lẽ đương nhiên nên làm hay nên bỏ, mưu lợi muôn đời cho sinh-linh Bắc-kỳ cũng đã rất sâu và xa vậy.



Tôi đi các đường sông ngòi để điều trong tình xem xét tình hình.

Cứ thấy 4 huyện Đông-an, Kinh-động, Phù-cử, Thiên-thi thuộc phủ Khoái-châu và 1 huyện Tiên-lữ thuộc phủ Tiên-hưng thấy trẻ già trai gái khắp nơi tình nguyện xin đắp đê lại, tôi hỏi kỹ vì sao xin đắp lại, đều nói rằng :

Khoảng năm Minh-mệnh có lệnh theo ven đê Đại-hà xã Nghi-xuân, xã Quan-xuyên khai thêm con sông Cửu-an để tiêu nước, sông này từ khúc sông cũ xã Bằng-ngang 憑昂 huyện Kim-Động suốt đến ngã ba sông xã Văn-trương 文張 huyện Phù-cử chảy ra huyện Thanh-miền tỉnh Hải-dương, quãng này đất đào chứa hai bên nhiều chỗ bỏ không, nước sông dâng lên vào các ruộng nương. Tuy 3 huyện Phù-cử, Tiên-lữ, Thiên-thi địa thế rất thấp, được lợi phù sa bồi lên, nhưng thực ra đến kỳ hạ-tân, lúa chiêm cây muện 5 huyện phần nhiều bị ngập, mà ruộng mùa bị nước đình tích, cây cây phải kéo dài, thóc lúa hàng năm thường bị khiếm-thu (1). Và cửa nhà đình miếu của dân đều bị ngập nước đến 5,6 tháng ở nhà sàn đi bằng thuyền, sóng gió bất kỳ, có khi đắm đuối trôi dạt không xiết kể được. Kịp đến năm Thiệu-trị thứ 2 Thánh-giá ra Bắc tuần, dân xã trong hạt, giải bày kêu van, được đội ơn có lệnh xuống, đình-thần chia nhau đi khám, trừ tính việc đê, cho tạm đắp ngang cửa sông để giữ nước lũ, đến nay cũng đã 10 năm, nhờ được mưa nắng thuận thời lúa ruộng bội thu, vườn được xới giống, nhờ cũng sông được,

---

(1) Mất mùa số thu vào kém.

cửa nhà đình miếu, mới sửa sang lại dân xã dần đã vui vẻ, nay mà bỏ đê đi, nước sông đại-hà nhất tề tràn lên, cái khổ biết là chừng nào, tất không khỏi ly tán.

Xét dân hạt tôi nói như thế chỉ thấy cái hại trước mắt trong một hạt mà nói thôi.

Nều đê đê mà lợi thì mọi tỉnh đều lợi, bỏ đê mà hại thì mọi tỉnh đều hại, có phải 1 hạt tôi đâu ?

Hãy lấy tỉnh Hà-nội gần đây mà xem, bên tả thì sông Nhị-hà, hữu thì sông Hát, 4 mặt đều sông, mà địa thế thượng du Từ-liêm, Vĩnh-thuận, Thọ-xương rất cao ; Thanh-trì, Thanh-oai cao vừa ; Thượng-phúc, Phú-xuyên thấp vừa, Duy-tiên, Hoài-an rất thấp, thủy thế từ trên đổ xuống, một do cửa Ngoại-độ Hoài-an chảy ra Hát-giang ; một do cửa Mang-sơn chảy ra Nhị-hà. Gia-long năm đầu, 2 sông này đã khai nhưng còn có hạn chề, đê Minh-mệnh năm đầu, hai cửa vì sông Hát-giang, sông Nhị-hà dâng nước tràn vỡ, dân sở tại không để ý đê thành ra sâu rộng, đê nay muốn đắp lại bị nước mưa cả tỉnh đổ xuống lại phá vỡ ra.

Bởi thế, khi hạ tần đê, sông Hát sông Nhị cứ tồng ra 2 cửa này Hơn mười năm nay Duy-tiên, Phú-xuyên mây huyện, trong 1 năm 9 tháng ngập nước, nhưng nước lũ có kỳ hạn, nhân tình ngày quên đi cũng không lấy gì làm khổ lắm.

Năm nay Thanh-trì Phú-xuyên vỡ đê, từ thành Đại-la tỉnh này trở về phía Nam trông như bể, người và súc vật nhà cửa,

nồi khô không xiết kê. Và lại đương lúc đê hạt này và đê huyện Hưng-nhân hạt tôi bị vỡ, nước sông ngoài ngày thường bội lên, chưa rút xuống thời 1 tỉnh nào nước lên là 1 tỉnh ấy bị hại, nay cửa Mang-sơn cửa Ngoại-độ thể không lập đê được đã đành, còn chỗ vỡ ở Thanh-tri, Phú-xuyên cũng đê tự-nhiên mà không lập đi như ?

Đê đê lại thì hàng năm công hay tư đều khó nhọc phí tổn ấy là 1 cái hại. Nhưng đại phạm việc thiên-hạ, có việc gì bỏ đây không tu sửa mà không hỏng chằng ? khó nhọc phí tổn mà không bị lụt thời 4, 5 tỉnh nhờ có đê mà được yên ổn, khó nhọc phí tổn là của mà được yên sông là người.

Lại đê đê mà đê vỡ, thời ruộng nương súc sản bị tổn thương lại cũng là 1 cái hại. Nhưng có vỡ cũng chỉ là 1 phương bắt hạnh mà thôi, các phương khác còn nhờ có đê mà cây cây như thường, thể không phải là lợi nhiều mà hại ít như ? Đó đều ở trước mặt mà ai cũng trông thấy.

Nếu bằng bỏ đê mà lợi thời sông Hoàng-hà ở bên Tàu, trải từ Tần, Hán, Nguyên, Minh đến giờ đại gì mà cứ giữ cái đê ấy ?

Phép đắp đê không nhất định 1 thể : cách sông xa để phòng nước dâng gọi là dao-đê, (1) 遙堤 gần bãi sông đê gò dòng nước gọi là lũy-đê, (2) 纓堤 lũy đê có bị núng

---

(1) Đê ở xa.

(2) Đê dùng gò dòng nước.

lại đắp ở trong 1 đê phòng hồ gọi là giáp đê, (1) 夾堤. giáp - đê có núng, ở trong lũy - đê lại có đê hình bán nguyệt gọi là nguyệt - đê 月堤 cũng như giáp - đê nhưng tương đối dài hơn, phòng khi lũy-đê bị xung phá nước tràn ngập vào khoảng giữa 2 đê mà không thể ngăn được.

Lại đắp 1 đê nhỏ nằm ngang ở trong gọi là cách-đê (2) 隔堤, hỏi ngu đại gì mà làm cho khó nhọc và tốn phí như thế?

Ngày trước Tông-Thái-tổ thấy cái hại nước xung kích ở trước mặt, thường nói ông Hạ-Vũ trị thủy, chỉ theo núi khơi sông dẫn nước xuống bề, chưa thấy dùng sức đắp lên mà chống với dòng nước mạnh, từ đời Chiên-quốc chuyên lấy lợi riêng lập các lợ nước cũ, thật là lấy cái nhỏ mà phòng cái lớn, lấy việc riêng mà hại việc công ra thế vậy.

Tông-Thái-tổ chỉ vào chỗ bờ đê cao, bài bác bảo rằng: « Ông Vũ trị thủy thuận theo tính nước, chứ không phải cho tính nước phóng túng ». Vậy tính nước chảy xuống chỗ trũng chỉ gò lại mà khiến cho chảy thuận đi, không gì bằng đê.

Xét thời ông Vũ thay ông Côn đắp đê ngăn nước lụt, khi thành công sách có chép rằng: mọi chỗ trũng đã có bờ ngăn nước, bờ ngăn tức là đê.

Nay chỗ sông vỡ ở huyện Tuần hãy còn đê của ông Côn. Vậy thời đắp đê phòng nước, thực trước từ đời Đường, Ngu,

---

(1) Đê giáp bên.

(2) Đê ngăn cách.

nêu bảo tự đời Chiến-quốc sau này và cho là hạ-sách (1) chẳng cũng lắm lắm như!

Cứ tôi xét, sông Hoàng-hà bên Tàu, chảy qua Thiêm-tây, Hà-nam, Giang-nam 3 tỉnh lớn, mà từ Hà-nam đến Giang-nam 5, 6 ngàn dặm đất đồng bằng, nếu không đê để ngăn nước, thời ước vạn dân 2 tỉnh ấy, hàng năm bị lụt hết.

Xứ Bắc-kỳ nước ta có sông Nhị-hà, tuy không trường viễn như Hoàng-hà, nhưng từ Tuyên-quang Hưng-hóa suốt đến Sơn-tây, Hà-nội, Bắc-ninh, Hưng-yên, Nam-định mấy địa phương, nước lũ tích lại, không phải 1 tuần mà chảy đến bề đước, dòng sông quanh co, khuất khúc, chu lưu ở trong, nếu nhất đán đem hết đê bỏ đi, thời mấy tỉnh nhân dân, mùa hạ mùa thu cùng ở với nước, sông đước chẳng?

Từ Đinh, Lý về trước, ghi chép còn thiếu sót đến khi đắp Đĩnh Nhi mới thầy chép ở đời Trần, nhưng tôi còn nhớ sách Hán-thư-quận-quốc-chí 漢書郡國誌 chép huyện Long-biên quận Giao-chi rằng: « phía Tây-bắc có đê phòng sông », huyện Long-biên tức là mấy huyện Thọ-xương, Từ-liêm Vinh-thuận tỉnh Hà-nội, vậy thời xứ Bắc-kỳ có đê không phải có từ nhà Trần trước bởi từ Hán-thuộc đến lúc có nhà Trần, nhân dân sinh đẻ ngày nhiều, làng mạc nhiều ra như sao sa như quân cờ bày, chứ không giống ngày trước cứ tìm chỗ cao mà ở, cho nên nhà Trần đắp đê bảo vệ dân, sử nhân đây mà chép đó thôi.

Đê ấy tuy người trước bắt đắc dĩ phải làm, nhưng cũng là lý thề tự nhiên của trời đất, xem như Thanh-hóa, Nghệ-

---

(1) Phương sách kém.

an trở vào Nam, từ núi đên bề cái thê rất gần, phỏng có nước lũ chảy xuống, chỉ 3,4 ngày là hết, hà tất phải có đê nữa.

Những cái thuyết của sĩ-thứ (1) Bắc-kỳ chủ phá đê chỉ độ 2,3 phần mười, tôi mỗi khi hỏi đên thuyết ấy, bắt quá họ chỉ chuyên chú vào câu ngạn ngữ : « ví như nước đê vào 1 chén thì đầy, đổ ra cái mâm thì vơi », Lây nghĩa là đê càng cao thì nước càng trướng lên, cũng như đựng nước trong cái chén, bỏ đê thì nước tản ra thê tất nông cạn, cũng như nước đổ ra mâm. Cái thuyết ấy mới nghe tựa như có lý, nhưng nghĩ kỹ lại, không căn cứ vào đâu.

Các sự vật vẫn có thê đem việc nhỏ suy nghiệm ra việc lớn, nhưng cũng có việc không thê được, nước 1 cái chén có hạn, mà nước lũ thì vô hạn, nước trong mâm chảy đi thê của nó thuận, nhưng đất chỗ cao chỗ thấp, nước chảy đên rất dễ mà chảy đi rất khó.

Tôi lại xét kỹ nguồn sông Nhị-hà xin đem trình bày hết ra đây :

Sông ở Tuyên-quang chảy về có 2 ngọn :

1.— Từ Trường-ty Giáo-hóa huyện Văn-sơn 文山 chảy vào địa-phận huyện Vĩnh-tuy của ta, qua Vỵ-xuyên 渭川 Hàm-an 咸安 đên phía đông tỉnh Tuyên gọi là Lô-giang 壚江.

---

(1) Người thứ dân và người có học hiểu biết.

2.— Từ châu Quy-thuận 歸順州 phủ Trần-An 鎮安 tỉnh Quảng-Tây chảy vào địa phận huyện Đê định 底定 qua Vinh-diện 永奠 Chiêm-hóa 靈化. Lại riêng có một sông phát nguyên từ núi Khuru-hoắc 丘霍山 huyện Cảm-hóa 感化 tỉnh Thái-nguyên chảy vào Ba-bê, chảy xuyên qua núi, qua khe đên Chiêm-hóa, cùng hợp lại vào huyện Hàm-an 咸安 gọi là sông Ngâm 吟江. Cũng do phía đông tỉnh Tuyên nhập vào sông Lô, thông ra đên huyện Tây-quan 西關 phủ Đoan-hùng 端雄 tỉnh Sơn-tây mà nhập vào. Lại riêng có một sông từ Mục-châu 牧州 Lục-an 陸安 gọi là sông Lô 瀾江. Lại có một sông từ Tam-đảo đên gọi là sông Đáy 底江 hợp phóng ra huyện Bạch-Hạc.

Sông ở Hưng-Hóa chảy về có 3 ngọn :

1.— Sông Lan - Thương 瀾滄 phát nguyên từ Thô-phiên 吐番 theo Vinh-xương 永昌, Thuận-ninh 順寧 Cảnh-đông 景東 Trần-nguyên 鎮沅 Phả-nhị 普珥 mà phủ thuộc tỉnh Vân-nam, chảy đên núi Cửu-long 九龍山 gọi là sông Cửu-Long 九龍江 qua Ty Xa-lý 車里司 gọi là sông Xa-lý, vào đên phủ Điện-biên 奠邊府 Lai-châu 萊州 địa phận nước ta gọi là sông Đà 沱江.

2.— Sông Lê-xã 禮社 phát-nguyên từ Triệu-châu 趙州 tỉnh Diên (Vân-nam) qua Mông-hóa 蒙化 Sở-hùng 楚雄 Nguyên-giang 元江 đên huyện Mông-Tự 蒙自 Lâm-an 臨安 hợp ngọn nước trắng, ngọn nước đỏ gọi là Lê-hoa-giang 梨花江 từ bãi Liên-hoa 蓮花 vào Thủy-Vĩ 水尾 nước ta gọi là sông Thao 洮江.

3.— Lại một sông gọi là sông Ngưu 牛江 cùng vào địa giới Thủy-vỹ đến cửa Bảo-thắng 保勝關 cùng sông Thao hợp. Sông Đà cùng sông Thao, 2 sông chảy qua Hưng-Hóa đến Sơn-vy 山圍 tỉnh Sơn-tây hợp chảy ra huyện Bạch-hạc, lại cùng sông Lô hợp lại làm một chảy xuống Hà-nội gọi là Nhị-hà.

Nhị-hà chịu đựng nước sông Lô, Thao, Đà, nếu chỉ biết có nước 2 tỉnh Tuyên, Hưng mà không xét nước sông Lô, Thao, Đà nguyên từ Tầu lại, thượng nguồn rất xa hàng ngàn dặm hoặc mấy trăm dặm, nước lũ chảy xuống. Lô, Đà 2 ngọn đều trong, chảy không dữ lắm, duy ngọn sông Thao dòng rất đục, thể nước rất mạnh không khác gì sông Hoàng-hà.

Ba ngọn sông hợp lại và các sông nhánh chảy vào, từ Sơn-tây trở xuống, đất bằng phẳng, nếu không có đê gò dòng nước lại cho chảy thuận đi, nước tràn quanh chảy phứa, thì Sơn-tây, Hà-nội, Ninh-bình, Bắc-ninh, Thái-nguyên, Hưng-yên, Hải-dương mấy hạt Bắc-kỳ đều thành cái bể lớn, đến lúc hết mưa lũ, nước xuống, thời các tỉnh có sông địa thể ven sông ngoài cao mà trong thấp, nước có thể chảy thuận 1 hướng như ở trong mâm mà không còn lưu lại được chăng ?

Và lại, muốn bỏ đê đi cứ theo ý kiến một tỉnh lại càng không được, tất phải phá bỏ hết các đê điều sông nhỏ sông lớn các tỉnh từ thượng lưu đến hạ lưu đi, thì nước lũ mới thuận đường chảy lại tiêu đi được, như thế thì công khó nhọc tiền phí tổn so với đắp đê sửa đê đến muôn ngàn phần gấp bội.



Phương chi lúa chiêm đại khái vào kỳ tháng 5, tháng 6 mới thu hoạch, mà hạ-tần thường hàng năm tháng 4 đã đến rồi, nếu bỏ đê đi thì ruộng chiêm ruộng mùa đều mất hết, cái hại cũng dễ trông thấy lắm.

Tôi, kẻ ngu này, thưa rằng đê không có thể bỏ được là thế vậy, nhược bằng lấy lợi hại một tình làm ý kiến mà bàn đắp đê, bỏ đê, thì kẻ ngu này lại càng không dám nói.

Tuy nhiên, trị hà không nên bỏ đê, cái thuyết ấy trước nay nhiều, chỉ có đề đê mà rút bớt được nước sông đi, cái cách ấy từ cổ vẫn là khó.

Tôi đã xét các sơ tâu về trị hà bên Bắc-triều (1), cái cốt yếu không ngoài việc đắp đê và khai sông 2 cái ấy mà thôi. Việc đê phòng thì đã dĩ nhiên, đến việc khai sông thời khai hạ-lưu là hay nhất mà thượng lưu thứ nhì là tự sao ?

Vì thượng-lưu chia ra nhiều ngọn, thời sông không chuyên chảy khỏe 1 dòng, phù sa nhân thế mà úng tắc, sa đã úng tắc thì sông cái còn chảy thuận đường, sông con nông hẹp lại, khai ra lại tắc.

Xét đời Ông Vũ trị thủy, từ khi 9 sông đã khai xong đề chia thể nước sông Hoàng-hà, đến đời Chiên-quốc đem lập đi, đời Hán lại khai ra, nhưng đã mất đường lối cũ, nên công-dụng không thành, cho nên Hoàng-hà chỉ còn 1 đường chảy

---

(1) Triều đình bên Tàu.

thẳng trôi ; sau đời Đường, đời Tống không dám khai chỗ nào cũng là có định kiến vậy.

Duy chỗ cửa Hoàng-hà ra bể, bùn sa nổi lên từng rọc, về phía Đông quanh co mà dài, đường ra ngoài khơi thuận gió cũng phải 1 ngày đêm mới ra được, chỗ ấy gọi tên là Ngũ-điều-sa (1).

Đền khoảng năm Khang-hy, Càn-long nhà Thanh, nước sông vỡ càng nhiều, cho là lỗi nước đi bị sa bồi tặc, nên nước tiêu chậm, bây giờ các bầy tôi trị-hà xin thi-hành cách vét sông, dùng một cái trục sắt lớn, dài độ 6 thước, trên làm các răng sắt dài độ 3 tấc mà đầu nhọn, mỗi vòng 3 răng mà 5 vòng, 2 đầu buộc khóa sắt vào để cho chìm xuống đáy sông. Dùng 1 chiếc thuyền đầu đề 1 cái hoành gỗ, đem các khóa sắt chia buộc vào hoành ấy, dùng 4 người phu kéo đi, để trục sắt quay đợc lên, cứ 10 thuyền 1 hàng, 10 dặm đặt 1 hàng thuyền, theo bờ sông 2 bên lại đắp ụ dựng cọc gỗ để so thước tấc dưới đáy sông và cứ hàng tháng theo khai sâu đợc bao thước mà định thưởng phạt.

Sức sơ khai không thấu, thì lại đắp thêm 2 đê ở cửa bể để gò nước khiến cho chảy mau ; nay cửa sông Hoàng-hà hơn 100 dặm, có 1 đường hấy còn sâu ấy là tự đầy sa đi mà thành đê, lầy đê gò nước, lầy nước đùn sa, vì nước gò lại thì chảy mạnh, chảy mạnh thì sa đi, 2 cái ấy đều thi hành hẳn là thành hiệu.

---

(1) 5 rọc sa bồi.

Tôi thường lấy việc ấy mà suy xét sông Nhị-hà, từ Sơn-tây đến Hưng-yên, đáy sông thường sâu, không có chỗ nào úng tắc là tự dòng nước chuyển một mực chảy mau ; từ cửa Liêu trở xuống phù sa bồi ra, đường xa đến hàng ngày, nên nước dòng sông chảy chậm.

Dòng sông từ tỉnh Nam-định trở xuống chảy chậm, sông lại chia nhiều chi, nước chảy càng thông thả, tức là bùn sa đọng lại; hạ-lưu đã không chảy mau thời ở vào trung-lưu như Hà-nội, Bắc-ninh, Hưng-yên nước thường hay trướng lên mà đê vỡ là thê.

Nay muốn bớt nạn sông nước đi, nên gia công sức sửa hạ-lưu, xin bắt chước lời vét sông và đắp thêm đê ven cửa bể hai cách ấy mà làm.

Hai nữa là chẳng được phải chia thê nước trên thượng lưu để bớt sức nước chảy xuống, thời các sông nhỏ như Huệ-giang, Hàm-long, Nghĩa-trụ, nguồn không ở Nhị-hà ra, không nên đào đất ra, việc đào sông Cửu-an không thành công đã làm gương soi về sau vậy.

Duy bên tả hà có sông Nguyệt-đức tự chợ An-lão huyện An-lạc tỉnh Sơn-tây sông Nhị-hà phân ra, từ An-lạc qua huyện Kim-anh Bắc-ninh đến huyện An-phong cùng sông Đông-mỗ 同 姥 江 Thái-nguyên, hợp lại chảy ra sông Lục-đầu Hải-dương mà phóng ra cửa Bạch-đăng, sông này từ An-lạc đến Kim-anh là lối cũ bị lấp đã lâu, chỉ còn từ Đông-mỗ chảy về An-phong mà thôi.

Sông Thiên-đức ở Xuân-canh 春耕 huyện Đông-ngạn Bắc-ninh, cũng Nhị-hà phân ra, từ Đông ngạn qua Gia-lâm Tiển-Du ra đến Quê-Dương chảy vào sông Lục-đầu Hải-dương, phóng ra cửa sông Hàn-giang, sông này cũng đầy lấp.

Nay xin 2 con sông ấy nên theo lối cũ, liệu mà khai mà đắp, cần phải thuận cái thế tự nhiên của núi sông chớ có muốn chóng mà đào thẳng, để trái tính của nước, như thế là tại sao ?

Vì nước đi trong đất cũng như mạch máu thân người chạy theo trong xương thịt, theo mạch máu mà dẫn đi thì thông đạt mà có lợi, nhược bằng cát chỗ đốt xương mà khai ra thì nó lại ra bệnh mà không thông được, như thế cũng là làm cái việc đề sau được vô sự vậy.

Còn như đề điều công tư từ trước, cũng xin tùy theo mà đắp, trước hết khai cửa bể để thượng-lưu chảy khỏe, dòng sông đã thuận, đề cũng nên gia công cho được kiên cố.

Lại xét hạ-lưu đại-hà và các sông nhỏ, có nhiều đề còn bỏ, không tu bổ không phải tự quan mà là tự dân, gần đây các phủ huyện sở tại phần nhiều không sức cho dân tu bổ, tổng lý cũng thích không phải làm mà bỏ đây, một khi vỡ thì công tư đều hại, cũng có khi đoạn đề bỏ bề ở ngoài bị vỡ mà đề công ở trong bị vỡ theo.

Lại xét kỹ lại các năm trước các đoạn đề công bị vỡ, như huyện Từ-liêm Sơn-tây, huyện Thượng-phúc Hà-nội, huyện Gia-lâm Bắc-ninh và các xã Phó-nham 付岩 Sài-uất 柴橋 Sài-thị 柴市 Quan-xuyên 關川 Nghi-xuyên 沂川 huyện

Đông-an tỉnh tôi, cùng là năm nay các huyện ở tỉnh Hà-nội và xã Hà-lão huyện Hưng-nhân tỉnh tôi, tôi không dám bảo là tội ở nước, mà là mưu kế của người chưa được đến nơi đến chốn vậy.

Bởi vì ruộng nương xứ Bắc-kỳ, ruộng làm mùa phần nhiều cao ráo, phải tháo nước vào mới có lợi, ruộng làm chiêm đều là trũng thấp phải tháo nước ra mới được, để dân ở ven đê thường hay đặt công tháo nước cầu lợi, những thân công làm bằng gỗ hoặc xây bằng gạch đều làm không bền chặt, vật liệu không chắc chắn, đến lúc nước lũ trướng lên bị nước thấm lậu, công nhân thế phá ra, đi báo quan sợ cũng không dám nói rõ ra.

Xét việc đặt công phòng đê bên Tàu tất phải dùng đá và sắt, gạch mà làm, ngoài lại đắp thêm một nguyệt-đê để giữ mới có thể bảo cô được.

Nay xin các thôn xã ven đê khi đặt công để tiện việc nông, phải do quan địa-phương khám kỹ, nhất thiết vật dụng các hạng, nghĩ cách mà làm cho thật tốt, để bảo vệ việc nông.

Đó là ý kiến nông cạn của kẻ ngu nầy góp phần vào trong muôn một, giữa trông Thánh-Thượng định đoạt.

Còn tỉnh tôi, sông Cửu-an tiêu-bôi (1) hai bên, đoạn nào quanh co ứ nước, và các đoạn sông cũ, cùng là cứ ngòi các huyện trong tỉnh, trước nay dùng tiêu nước hay chứa nước

---

(1) Đê nhỏ gọi là tiêu bôi.

Cũng một đê bồi ấy, cũng một nhân dân ấy, trước đều khẩn khoản xin bỏ đê đi, nay lại trình bày theo cũ bồi đắp, trước sau khác nhau, khiến người ta không biết thế nào mà giải quyết, việc quan hệ lợi hại đến dân, làm 1 ông quan địa phương tất là phải biết hết, nay viên Lãnh-đốc nói việc hưng lợi trừ hại, cũng là chức vụ phận sự một người quan lại chắn đất dân đây.

Việc này giao cho Nguyễn-dăng-Giai đi khám, cùng Bô-chính, Án-sát phải trừ tính kỹ phương pháp nên làm như thế nào có thể tiện cho dân, dựng giầy tâu lên, đợi có lệnh-chỉ mà làm, nếu có ý kiến bàn định khác cũng cho dựng giầy tâu.

Tôi thiết nghĩ trời đất an bài tự nhiên có sơn là có thủy, cũng như thân người ta có xương là có máu, mạch máu có chu lưu, mới không có bệnh bí-trướng (1) đợc, phương chi thích chảy chỗ trướng là cái tính của nước.

Xin xét các đầu nguồn sông Nhị-hà, ở Tuyên-quang có sông Lô, sông Hành 行 ? ở Hưng-hóa có sông Thao, sông Đà, ở Thái-nguyên có sông Đáy. Năm sông ấy chảy xuống khoảng giữa Sơn-tây hợp thành Nhị-hà chảy qua Hà-nội, Bắc-ninh, Hưng-yên, Nam-định mây tỉnh mà phóng ra bề.

Bên hữu hà có Hát-môn, Tô-lich 2 sông, chảy qua Từ-liêm, Thanh-oai, Chương-đức, Sơn-minh, Hoài-an, Kim-

---

(1) Bệnh bí không thông và chướng đầy lên.

bằng, Duy-tiên, Thanh-liêm các huyện mà phân lưu chảy ra 6 cửa bể Ninh-bình và Nam-định.

Bên tả hà có Nguyệt-đức, Thiên-đức và sông ngòi trong 5 huyện là Hàm-long, Nghĩa-trị, Văn-giang, mấy sông chảy qua Bắc-ninh, Hưng-yên, Hải-dương, mấy tỉnh mà phóng ra cửa bể Hải-dương.

Nước ta từ Lạc-hùng đến Lý trở về trước, mấy trăm ngàn năm chưa có đê điều, mà xét xử trong nước truyền lại, chưa thấy có nạn phải phòng ngừa sông nước, nhà Trần tự lấy ý riêng mới đắp ra đê Đĩnh-nhĩ, chính sách đê mới có từ đây trước, nhưng bây giờ chỉ là một con đường vệ nông không cao rộng lắm, hai bên các con sông nhỏ còn đặt công, đại hạn lấy nước vào ruộng mà nước lũ đóng lại đê khỏi chảy ngang, làm công như thế dân cũng được lợi khỏi lụt, ruộng chiêm còn có thể làm mùa mà ruộng mùa tằm có thể làm chiêm, cũng chẳng qua được những chỗ tằm thường không cao thấp lắm thôi, còn những chỗ sâu vẫn sâu, chỗ ghềnh vẫn ghềnh không bỏ ích gì cho việc nông cả.

Sau này nhà Lê, 3, 4 trăm năm phải theo không dám bỏ, thời nguy Tây-sơn chuyên làm bạo-ngịch, chỉ biết có đê không hỏi đến sông, đem cả 1 giải sông Nhị-hà khởi đại công đắp đê, nhất thiết các cửa công, cửa sông nhỏ đều lấp đi, vì vậy thủy thể ngày càng tràn lan, đê càng phải cao thì nước càng trướng lên, thành ra cái hại lớn vỡ.

Từ đây thế nước không chảy về đông, chỉ do Nhị-hà và sông Hát-môn phóng về phía nam mà các huyện Thanh trì, Thượng-phúc, Phú-xuyên, Duy-tiên, Kim-bảng, Thanh-oai, Chương-đức, Sơn-minh, Hoài-An, tỉnh Hà-nội, bốn mặt bị xung kích và làm cái chỗ chứa nước mọi nơi đên.

Khoảng năm Gia-long, mới dựng nước chưa kịp kinh lý đên, cũng nhân đê cũ mà sửa đắp, mỗi khi nước sông vờ thì đê phải theo mà đắp cao thêm, cũng là cái thế đương nhiên vậy.

Nay Thánh-Tổ nhân Hoàng-đê 聖祖仁皇帝 biết cơ hội hơn người, tài kinh vĩ sâu xa, hiểu rõ tranh với sông là điều không phải của người trước, thấy việc đắp đê là cái hại của nhân dân, mây thứ xuống dụ các địa phương bàn kỹ nên thôi hay nên đắp.

Tôi xin ở Hà-nội hãy bỏ đê Thanh-trì, ở Hưng-yên hãy thử khai sông Cửu-an, mong Thánh Thượng kinh doanh đại đoạn, thay đổi cái việc trái lẽ mây trăm năm, mà làm cái lợi vô cùng cho ngàn muôn huyện.

Vì người tiểu-dân chỉ thấy cái lợi hại trước mặt, như sao Cơ muôn gió, sao Tắt lại muôn mưa, lòng muôn không như nhau, con chim biết có núi, con cá chỉ biết có sông, tri thức lại khác biệt, nghị-luận khác nhau mà chưa quyết thi hành.



Phụng xét mấy năm trước, mấy lần các tỉnh thần, người bàn bỏ đi cũng vì ngại khó nhọc việc bồi đắp, kể bàn đắp lên cũng là sợ nạn ngập lụt, đều không phải là không có ý kiến.

Nhưng cứ hạt tôi, mấy huyện Thanh-trì, Thượng-phúc, Phú-xuyên, Duy-tiên, Kim-bằng, Chương-đức, Thanh-Oai, Sơn-minh, Hoài-an, phần nhiều là ở vào chỗ thấp trũng, muốn đắp đê phòng nước đại-hà thời cửa sông Mang-sơn 芒山 không thể giữ ngược được, muốn đắp đê phòng nước trung-giang thời cửa sông Ngoại-độ 外度 không thể triệt ngay được.

Bỏ đê thì nước các tỉnh thượng du tất lây các huyện ấy làm vực chứa nước, đắp đê thì đường sông các huyện chảy ra nhiều ngả, cứ mấy trăm trượng lại đắp 1 đê, dân lực không chịu nổi mà nước mưa thượng lưu không thuận đường tiêu, đều chưa được tiện lợi cả; muốn tìm kế hay cho các huyện ấy, nếu không khai các con sông bên tả hà cho nước chảy về đông, thì không còn cách nào hơn.

Và lại đắp đê giữ nước sông để vệ nông, mà nông dân lại hại quá, tôi xin nhất nhất trình bày ra đây :

Xét sông Nhị-hà, bên hữu phân lưu nước chảy về nam, bên tả nước chảy về đông, bắt quá Nhị-hà chỉ ở trung gian chứa nước phân lưu chảy đi mà thôi. Nếu đắp đê các sông nhỏ hạ-lưu để phòng nước sông thượng lưu cái thì cũng không thể được.

Trừ lao phí đắp đê về trước không kể, hiện nay mỗi năm đến kỳ tiết sương-dáng, lại đi khám những chỗ nên bồi nên

đắp đê dân đi làm. Từ tháng 10 đến tháng 4 hoặc đắp lại, hoặc bồi thêm, công việc lao phí vô hạn. Từ tiết tiêu-mãn trở đi, thời dự bị các vật liệu đi hộ vệ đê, nào tre pheo, nào đá nào đất, động đền là hàng ngàn hàng vạn, quan lại thì đi về như mắc cửi trên đê, nhân dân thì bôn tầu ở bờ sông, khoảng 1 năm trời, bồi đắp rồi đền hộ vệ, hộ vệ lại đền bồi đắp, không một ngày nào là không lo nghĩ đền đê. Mực nước thường giữ được, nước bội thời chưa biết đê thế nào mà tài lực của dân mỗi năm hư phí không biết chừng nào, năm này sang năm khác không lúc nào thôi, là một cái bất tiện.

Kể cả thượng-lưu đền hạ-lưu đại-giang, trung-giang đền tiêu-giang ở các tỉnh, đê điều dài có đền mấy trăm vạn trượng, đoạn đê này bị xung kích, thì đắp đê khác, đê cũ không giữ được thời đắp đê mới, có chỗ đền 3,4 trùng hoặc di chỗ cao xuống chỗ sâu, hoặc lấp vực sâu lên thành gò đóng, hại ruộng nương kể hàng ngàn hàng vạn, một khi bất hạnh bị vỡ, dân sở tại làm lều ở, các súc vật tài sản sạch không, diến địa dân gian thành ra hư phí, là 2 cái bất tiện.

Nước với đất là vật nương dựa nhau, đắp đê phòng lụt, nước sông không vào được ruộng, ruộng ngày khô ráo, tuy có cây lúa cũng không lên được, trong hạt tòi, trừ Phú-xuyên các huyện là chỗ chứa nước không kể, ngoài ra các địa phương có đê, đều là trái tính của nước mà hại đền khí chất của đất, là 3 cái bất tiện.

Mỗi năm đền tháng hạ, thu nước sông trướng rất lên là đi hộ đồng vệ tây, trồng thúc huyền thiên, mà đồng ruộng không mưa bị khô cạn, bên trong thì mong nước như khát mà

bên ngoài coi nước như thù, muốn đào ra lấy nước thì sợ vỡ đê, muốn hộ-vệ đê điều cho vững thì lúa ruộng chịu bỏ, làm đê vệ nông mà lại ngăn trở việc nông là 4 cái bất tiện.

Nước sông Nhị-hà, nguyên trước sông bên hữu, phân lưu chảy ra cửa bể Nam-định, bên tả phân lưu chảy ra cửa bể Hải-dương, nước sông phóng ra, nước mặn không dâng lên được, nay sông bên tả hà bị sa lấp úng tắc, sởi dĩ tỉnh Hải-dương nước mặn thường hay dâng lên, miền hạ-du như các huyện Thanh-lâm, Thanh-hà, Tứ-kỳ, Vĩnh-lại, Vĩnh-bảo, Tiên-làng, An-dương, Giáp-khúc (?) Thủy-dương, An-dương, Kim-thành, Chí-linh, Đông-triều, hàng năm bị nước mặn làm hại là 5 cái bất tiện.

Có chỗ đầu trên đắp đê đầu dưới phóng thủy như Mang-sơn, Ngoại-đồ 2 cửa sông ở Hà-nội thì suốt năm dân đi bồi đắp, hộ vệ, công việc cũng cùng nhau, mà lúa chiêm bị đại hạn, bị lụt làm hại, lúa mùa... (1) hay xuống... (2) tắc lòng sông, hoặc trôi chảy ra cửa bể, đường sông ngày bồi lên úng tắc, thuyền bè không đi được, tức như sông Vị-hoàng 渭 黃 江 Nam-định, hiện nay đường vận tải không đên được tỉnh, sau này vài mươi năm nữa, đường sông tất không khỏi bị ngăn trở là 7 cái bất tiện.

Nước không chảy thông, bùn sa ngày bồi, hoặc di đông sang tây, hoặc lở bên tả bồi bên hữu, dân ở bãi bồi tranh

---

(1) Bản chính mất mấy chữ.

(2) Bản chính mất mấy chữ.

nhau kiện tụng, đơn kiện ngày nay mới xong, thì đơn ngày mai tiếp đến, sổ sách rồi beng, đơn kiện chồng chất, là 8 cái bất tiện.

Sông lớn đã có đê, sông nhỏ không thể không đê, rồi đến ngòi lạch ở dân gian các lối nước chảy cũng không thể không bảo vệ, đường sá đê điều đã nhiều, hao phí tài lực càng lắm, làm chỗ này hỏng chỗ kia, vệ bên đông thời bỏ bên tây, đem cái công làm ruộng hữu hạn mà đắp đê bồi vô hạn, tài lực của dân sao chịu nổi, là 9 cái bất tiện.

Đã có đê điều, một quan không làm được, xét mỗi tỉnh cấp trên chừng 3, 4 người, liệu có thể suốt năm ra sông theo từng đoạn mà khám được không ? tất là phải ủy cho lại-dịch khám.

Lại mỗi phủ huyện chỉ có 1 viên, liệu có thể ngày đêm đi khắp phạm đê của mình không ? bắt đắc dĩ cũng ủy cho lại-lệ tổng-lý làm ; sau lúc thừa hành, cái tệ không nói hết, đem cái đê đường vô ích mà mờ cái túi riêng cho kẻ bắt lương, công tư đều xét ra không lợi, là 10 cái bất tiện.

Mỗi năm nước chảy thuận dòng sông, thì cũng không phí tiền sức hộ vệ, một khi tai nạn nguy-hiểm đến thời dẫu sức quý thần cũng khó giữ cho khỏi vỡ, ấy cũng là trời đất an bài, sức người chẳng có làm gì được. Và mỗi khi được sông yên sóng lặng, quan địa phương lấy làm công mình, yêu cầu thăng thưởng, tôn của hại dân, mỗi tệ không một thứ nào là đủ, là 11 cái bất tiện.

Địa mạch quan hệ đến thể nước, nước không chu lưu thời mạch cũng ứng tắc, sở dĩ gần đây phong tục dân Bắc-kỳ không hòa mục, lòng người phần nhiều mâu-thuẫn không chịu phục nhau, mà kẻ bần sinh khí thiên-tà thì ngang ngược gian xảo, thường ở đâu cũng có, đều tự thủy thổ sinh ra, là 12 cái bất tiện.

Căn cứ vào mười hai điều trên này, có thể là hại như thế.

Mây năm nay ngựa trông phúc lớn

Hoàng-Thượng, oai linh bách thần, sông được yên sóng, năm lại được mùa, sức tích của dân so với trước chưa được dư dự mấy, nhưng dân cày cấy chỉ có hai mùa mà dùng sức đắp đê đê cả năm, tuy có được mùa cũng không bỏ với mắt, phương chi các huyện như Phú-xuyên hạt tôi hàng năm ngập lụt, cái khổ có thể nói hết được chăng? đê mà không bỏ, tưởng những xã dân có đê ở xứ Bắc-kỳ hàng năm khó nhọc, nếu muốn được phong phú, an nhàn thực khó lắm.

Bằng nay lấy 1 giải Nhị-hạ có số nước độ mây trăm trượng cho chảy khắp ra Sơn-tây, Bắc-ninh, Hà-nội, Hải-dương, Hưng yên, Nam-định là các phương có diện tích hàng ngàn dặm, cũng ví như một chén nước rót ra một cái mâm, ở chén thì sâu mà ở mâm thì nông là cái thể hần thể, phương chi nước ở Thượng lưu chảy xuống hạ lưu, chảy đến đâu tiêu hết đến đây, lại không như chén nước đổ ra mâm còn phải một lúc tràn ngập lên, cũng đã rõ lắm.

Câu thơ cổ rằng : « Có đê không bằng không đê lợi, đã có đê rồi không thể không ».

Ôi đã nói không đê là lợi, sao lại nói không thể không đê, thực chưa xét được nguyên ủy lợi hại mà làm cái thuyết nhân tuần (1) đây thôi.

Hãy lấy 1 hạt Sơn-tây ở thượng-lưu mà nói, từ Phù-ninh 扶寧, Lập-thạch 立石, Bất-bạt 不拔 các huyện trở lên, đất không cao lắm, đều không có đê, mà ruộng vẫn khai khẩn cày cấy, ở vẫn nhàn hạ yên lành, từ Tiên-phong 先豐, Bạch hạc 白鶴 trở xuống, đèo An-sơn 安山, An-lãng 安朗, mấy huyện đã phải chịu tổn phí đắp đê mà ruộng nương vẫn thường bị tổn hại, đời sống của dân không được sung túc.

Lấy miền hạ-lưu tỉnh Nam-định mà nói từ Thư-Trì 舒池 trở lên có đê, Mỹ-lộc 美祿, Vũ-tiên 武仙 trở xuống mấy huyện không đê, mà ruộng nương màu mỡ, nhân dân giàu có, mấy huyện thượng-lưu không bằng hạ-lưu.

Tỉnh Ninh-bình trở về Nam chưa từng có đê mà chưa thấy nạn ngập lụt. Nếu bảo rằng Ninh-bình trở về Nam địa thế gấn bề nước dễ tiêu không cần phải có đê, vậy thì trong khoảng trời đất, đất với nước vẫn là tương đối nhau, bảo là đất miền Nam gấn bề nước dễ tiêu, đất miền Bắc rộng mà chứa được nhiều, thời như Nam-kỳ không đê nước lên cánh đồng

---

(1) Nhân theo việc người trước.

hàng ngàn dặm đã có lo ngại gì đâu. Ví phỏng nước lũ dâng lên tiêu ra bể chưa kịp, thì vào các đầm ao ngòi lạch các chỗ trũng, chứ có ngập lên chỗ dân cư đâu !

Nếu bảo không đề thời thê nước hoành hành, dân không ở được, thời từ Sơn-tây đến Nam-định dân ở ngoài đề kể hàng 100 xã, khi nước lũ ở bằng sà, đi bằng thuyền, khi nước rút xuống ruộng không phải cày mà cấy, lúa cấy xuống đất là lên, không thấy có nạn nhà ở phải rời đi, ruộng phải bỏ hoang bao giờ.

Ví bằng không đề thời thê nước đi khắp nơi, không đến nỗi sâu mà phải ở sà, đi thuyền như dân ngoại đề nữa. Và trước nay dân ở nội đề một khi đề vỡ phải ly tán phiêu lưu, thì thuyết có đề là hại mà không đề là lợi, đã rõ ràng trước mắt lắm rồi.

Đọc trong Dự có câu « Nay cứ Hà-nội tâu đề điều hai huyện Thanh-Trì, Thanh Oai tỉnh ấy, dân sở tại đều xin đình việc đắp đề, đề dân được thảnh thơi làm ruộng ». Và lại khoản tiền phòng đề rất quan-trọng mà lao phí (1) áp trúc bối phụ trước nay đều vì việc nông cả. Nay nước không phi tồn, dân không khó nhọc mà việc nông được lợi, thời có đề không bằng không có đề tốt hơn, nhất cử lưỡng tiện, lợi không gì lớn bằng, sao lại cứ đi tranh với sông, năm năm bồi đắp hết bao công của làm gì ?

---

(1) Khó nhọc và phí tổn.

Đem các lễ trên ngựa trông phép thánh đày rầy, phương pháp trị thủy không sót chút nào. Từ lúc Hoàng-Thượng trị vì đền nay luôn luôn noi theo ý chí tiên-nhân và tiếp tục công việc, lúc nào cũng nghĩ đền dân, thương đền kẻ làm ruộng.

Năm trước Bắc-tuần nhân việc sông An-Cửu đã từng được lệnh truyền cho các đình-thần và địa-phương chúng tôi luân lưu đi khám, lại xuống lệnh chỉ cho chúng tôi khám xét trừ nghĩ tưởng tận tâu lên, thực là lòng Thánh-Thượng đối với việc trị thủy đã soi xét lợi hại và hiểu hết cái tệ mấy trăm năm về trước, nhưng từ đây đến nay, sông được yên sóng, đê đều cũng không có gì quan ngại, sở dĩ chưa tiện cử hành cũng cho là việc quan hệ đền dân sinh mà thận trọng đây thôi.

Bây giờ tôi vâng mệnh đi Hà-nội làm việc, nhân đi khám xét đê điều, thấy mấy huyện Thanh-trì, Thượng-phúc, Phú xuyên, Duy-tiên, Kim-bảng, Sơn-minh, Hoài-an, Chương-đức, Thanh-oai, thủy thê và địa hình rất khó, không những mấy huyện ấy, đền cả các tỉnh có sông, lợi hại cũng rất quan trọng, tôi không dám bùng bít không nói ra.

Chúng tôi đã 3, 4, lần trừ tính suy đi nghĩ lại, thiết tưởng người khéo trị thủy không tranh hành với nước, mà làm cái việc đê sau này vô sự thì công mới thành, xin chiếu y nguyên như tập đồ bản năm trước các địa phương chúng tôi đã trừ nghĩ, phái đại-thần đi khám và chuẩn cho tùy tiện làm.



Trước hết, sông Nguyệt-đức ở Sơn-tây, sông Thiên-đức ở Bắc-ninh và các trung tiểu giang như Hàm-long, Nghĩa-trụ, Văn-Giang đều y theo hạ lưu lối cũ của nó mà làm, chỗ nông hẹp khai sâu rộng ra, chỗ bồi lấp đào khơi ra, sao cho giòng nước đều lưu thông, các cửa sông có đê đắp ngang xin khai đổi cửa sông lên phía trên đê thu hút nước thượng lưu, bắt tắt nắn thẳng đem chỗ xa ra chỗ gần phí công mà tổn hại ruộng đất chỗ ở, phần mộ của dân thành ra bắt tiện.

Việc dùng nhân công, cứ đê mùa đông tạnh ráo, việc nông nhàn rồi, chiều theo đường sông bắt dân ở địa phương hoặc bắt dân phu chỗ thủy-thề.sở-cấp, theo từng đoạn nông sâu rộng hẹp tùy tiện khởi công làm.

Nhất thiết đem hết cái công bồi đắp đê điều làm vào việc khai đào sông cũ, không nên làm gì khác đê phí của.

Khai đào được bao nhiêu đất sa, đem xa ra độ mây chục trượng hai bên bờ tích lại đê đắp đường vệ nông, hạn trong 2 năm, mọi chỗ công việc phải xong. Trước khi chưa mưa lũ, các đoạn đê các sông hiện tại theo cửa sông phá đi, khi có nước lũ, nước sông theo đây chảy về đông và nam các cửa bể, nếu nước lũ có lên lớn, có tràn ngập các đường vệ nông bắt quá 1, 2 ngày là tiêu hết như ở Ninh-bình mây hạt mà thôi.

Không được làm ứ tắc giòng nước, ruộng nên cấy mùa thời cấy mùa, nên cấy chiêm thời cấy chiêm, bắt tắt cưỡng giá (7) đê khỏi hại.

---

7) Cấy gượng, ruộng chiêm cấy mùa, ruộng mùa cấy chiêm.

Trong khoảng vài năm, nước sa đi khắp, chỗ cao ráo có thể thâm nhuận, chỗ sâu trũng sa bùn bồi lên có thể thành ruộng, cửa bể ngày dần sâu rộng ra. Như thế thời thế không phải đắp mà việc nông tiện lợi, nước không phải phòng mà dân được yên, bớt chi tiêu của nước mà dư dự của dân, cái lợi thực không nói hết được.

## LẠI MỘT THƯỢNG DỤ

Nay cứ quyền lãnh Hà-ninh Tổng-đốc, Nguyễn-đăng-Giai sớ lên việc đi khám sông đê xin trừ liệu các khoản, Trẫm đã xem xét kỹ và đã phê trong tập ấy.

Việc phòng sông đê xứ Bắc-kỳ rất quan hệ, lợi hại đến dân, tập trước của Lãnh-đốc (1) tâu, đã trình bày sơ-lược tình hình đê điều nên thôi hay nên đắp ở các huyện trong hạt, cũng đã truyền cho khám kỹ tâu lên.

Nay xét tập này hết sức trình bày có đê là hại mà không đê là lợi, lại xin hưng công đào khai sông Nguyệt-đức Sơn-tây và các sông Thiên-đức, Hàm-long, Nghĩa-trụ, Bắc-ninh, khiến cho nước sông Nhị-hà được phân lưu chảy về đông, cứ như lời bàn còn phải thi-hành tất cả các địa-phương có sông trong xứ Bắc-kỳ, không những một hạt Hà-nội mà thôi.

Xét người xưa trị thủy làm đê sau được vô sự, tự nhà Trẫm đắp đê ngăn nước cùng với nước tranh lợi hại, thật sách cũng đã hiển nhiên:

---

(1) Lãnh Tổng-đốc viết tắt là Lãnh-đốc.

Vi thủy thê Bắc-kỳ, đầu nguồn có sông Lô, sông Lôi ở Tuyên-quang, có sông Thao, sông Đà, ở Hưng-hóa, có sông Đáy ở Thái-nguyên, các giòng chảy đều khoảng giữa Sơn-tây hợp làm sông Nhị-hà mà tổng ra cửa Liêu-hải 遼海 Vỹ-lư 尾閣 tỉnh Nam-định, đường sông quanh co, cửa bẻ xa lắc, sự tiêu nước chậm, nhân thê mà tràn ngập lên.

Lúc chưa có đê, cò nhiên không cần đê, từ lúc có đê rồi, nhân đây mà tu sửa cũng là cái thê bất đắc dĩ phải thê. Việc ấy đã làm trăm ngàn năm trở lại đây, lấy việc phòng sông nước làm cốt yếu, dân ở khoảng ấy dù cao thấp khác nhau, cũng đều lấy đê làm tự vệ cả.

Nếu nhất đán hủy bỏ đi, nước lã chảy ngang thì chỗ cao phải đi thuyền ở sà, mà chỗ trũng phải bỏ làm đầm làm vực, không biết luận điệu của người chén nước đổ ra mâm đã là xác đáng chưa ?

Còn như khai đào các đường sông, nếu hẳn có lợi cho đời sông của dân, mà giữ được hết tệ hại, thòi một lần khỏ nhọc được nhàn rồi lâu dài, dù có phải dùng của công chi ra hàng ngàn hàng vạn, triều-đình cũng quyết cho làm không tiếc.

Nhưng thủy thê sông Nhị-hà nguyên vẫn chảy về Nam, nay lại trái với tính nước mà khai về đông, thòi nước chảy về Nam tất là kém đi, mà nước chảy về Đông sông nhỏ nước chảy lại không khỏ, nhân đây mà nước dâng lên, vỡ lở tứ tung, cái tệ hại lại lớn, há chẳng phải nghĩ kỹ lắm dư !

Và lại việc phòng sông nước trước đã nhiều lần có Dự, xét và gom góp các ý kiến trình bày của mọi người, việc đề nên đắp, nên thôi, đường sông nên khai, nên lập, cũng đã giảng giải tất cả.

Trẫm nghĩ lên tuân theo Thánh-hiền (1) trước, cần nghĩ đến dân trời, từ ra cấm quyền chính đền nay, lại càng chỉnh đốn sửa sang thêm, thường nghĩ phương-sách hay đề làm việc sông nước, việc này không phải ngày nay mới khó, mà từ đời trước cũng đã lây làm khó rồi.

Trước nhân Bắc-tuần đã từng xuống Dự cho các đình-thần đi theo và các quan địa phương đến châu, phải thay phiên nhau đi khám hình thể sông Cửu-An, xét kỹ bàn nhau mà làm, gần đây sông mừng được yên sóng, năm vui thầy được mùa, cũng là nhờ trời mà không có lo ngại gì.

Nay người trình bày những lời quả quyết chưa rõ có làm được không, việc quan hệ đền dân tài dân lực, nhất cử nhất động rất là thận trọng, tất phải góp chúng trí (2) cùng thỏa thuận mới được.

Tập này giao đình-thần hội đồng duyệt lại, xét kỹ đồ-bản và các tập của mọi người mấy lần trước, hết lòng trừ nghĩ việc nên như thế nào là phải mà làm cho có thành hiệu, giữ gìn sao không có cái gì quan ngại mới được. Bàn luận rõ ràng tâu

---

(1) Hiến chương lập thành của Vua cha ngày trước.

(2) Trí khôn mọi người.

lên đọi Trẫm định đoạt thi-hành mới mong có phương kê hay mà bồi đắp đời sống cho dân, phải nên kính cẩn tuân hành.

Lại xét sông Nhị-hà Bắc-kỳ rất quan hệ, lợi hại đến dân cả một phương. Từ triều Trần đắp đê Đình-nhĩ, cùng với nước tranh lợi hại thực là thất sách rồi, nhưng sau khi có đê, trăm ngàn năm nay người ta tuân theo và lâu nay dân sinh tụ ngày nhiều, cày ruộng ăn, đào giếng uống ở đây tất phải nhờ đê giữ nước lụt mà làm ruộng, nếu sợ khó nhọc phải đi phòng vệ, nhất đán bỏ đê đi, thời nhà cửa ruộng nương của dân đã gây dựng lên, chẳng là phải bỏ cả đi như ? Đê không thể bỏ được đã rõ lắm.

Còn việc xin khai sông, xét mấy năm gần đây, khai sông thêm thì nước lại theo sông mà xung kích thêm, khai một con sông lại thêm một đoạn đê, giồng sông tiêu nước ít mà lo giữ đê lại nhiều thêm, lời bàn trên đều chưa đúng cả, và lại các cửa sông đào lên để lại một giải đất sa, khiến cho hàng ngày lưu thông thêm khó về sau này.

# MỤC - LỤC

| Số bài   | Số trang |
|--|----------|
| 1.— Bàn về sông đê xứ Bắc-kỳ (Dịch-giả)        | 7        |
| 2.— Tờ trình việc đê (Tổng-đốc Hưng-Yên họ Lê) | 11       |
| 3.— Nguyên ủy sông Nhị-hà                      | 18       |
| 4.— Dẫn ký cửa Càn tỉnh Hưng-Yên               | 21       |
| 5.— Nguyên ủy hà đê                            | 23       |
| 6.— Điều lệ đắp đê các triều-đại               | 25       |
| 7. — Đại-Nam hội điển hà phòng                 | 31       |
| Điều 1 : Đê chính chức chương                  | 32       |
| — 2 : Đê điều hợp tổng                         | 34       |
| — 3 : Tấn hậu chí nghiệm                       | 34       |
| — 4 : Lý trúc trình thức                       | 36       |
| — 5 : Khám biện kỳ hạn                         | 38       |
| — 6 : Nhu dụng vật liệu                        | 41       |
| — 8 : Cấp hạn bảo cố                           | 43       |
| — 9 : Tài thực cấm lệnh                        | 48       |
| — 10 : Sang tu công trình                      | 51       |

| Số bài  | Số trang |
|---|----------|
| Điều 11 : Phòng hộ thưởng phạt  | 51       |
| 8.— Nghị việc đắp đê (Nha kinh lược)  | 53       |
| 9.— Trình bày việc đê (Thâm-Lý-Thần phụng thảo)   | 56       |
| 10.— Phụng xét sông cần phải có đê  | 57       |
| 11.— Danh sách các tổng xã huyện Thanh-Trì<br>và các việc vật về đê                           | 66       |
| 12.— Tờ bẩm về đê (thuộc-hạ Nguyễn-đức-Huỳnh thảo)  | 73       |
| 13.— Tập số trừ phòng đê sông (quyền chưởng Hưng-<br>Yên tuần phủ quan phòng Nguyễn-văn-Siêu) | 75       |
| 14.— Dụ năm Thiệu-Trị thứ 6 giao cho Nguyễn-đăng-<br>Giai xét trình                           | 62       |
| 15.— Lại một thượng Dụ giao đình thần xét.  | 107      |



# BẢNG KÊ

SÁCH BÁO GIÁO - KHOA  
DO BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN

## SÁCH ĐẠI-HỌC

|                                   |                      |       |
|-----------------------------------|----------------------|-------|
| Việt-Nam Dân-luật khái-luận       | <i>Vũ-văn-Mẫu</i>    | 130đ. |
| Luật Thương-mãi toát-yếu (tập II) | <i>Lê-tài-Triền</i>  | 60đ.  |
| Đạo-đức-kinh — Lão-tử             | <i>Nghiêm-Toản</i>   | 70đ.  |
| Cây cỏ miền Nam Việt-Nam          | <i>Phạm-hoàng-Hộ</i> | 150đ. |

## SÁCH TRUNG-HỌC

|                                  |                           |      |
|----------------------------------|---------------------------|------|
| Danh-từ kỹ-thuật                 | <i>Bộ Công-Chánh</i>      | 30đ. |
| Thê giới Sử Đệ Nhất              | <i>Tăng-xuân-An</i>       | 50đ. |
| Công-dân Đệ Thất (in lần thứ II) | <i>Nguyễn-văn-Trung</i>   | 16đ. |
|                                  | <i>Nguyễn-nam-Châu</i>    |      |
|                                  | <i>Cao-hữu-Hoành</i>      |      |
|                                  | <i>L.M. Cao-văn-Luận</i>  |      |
|                                  | <i>L.M. Cao-văn-Thích</i> |      |
|                                  | <i>Lê-Tuyên</i>           |      |
| Công-dân Đệ Lục (in lần thứ II)  | — nt —                    | 16đ. |

|                                     |                         |       |
|-------------------------------------|-------------------------|-------|
| Công-dân Đệ Tam (in lần thứ II)     | <i>Phạm-thị-Tự</i>      | 28đ.  |
|                                     | <i>Lê-xuân-Khoa</i>     |       |
|                                     | <i>Trần-trọng-San</i>   |       |
| Nữ thi-hào Việt-Nam                 | <i>Phạm-xuân-Độ</i>     | 22đ.  |
| Văn-học Việt-Nam                    | <i>Dương-quảng-Hàm</i>  | 35đ.  |
| Việt-văn đọc bản Đệ Tam (in lần II) | <i>Trần-trọng-San</i>   | 20đ.  |
| Việt-văn đọc bản Đệ Nhị (in lần II) | — nt —                  | 32đ.  |
| Triết-học Đông-phương               | <i>Nguyễn-dăng-Thục</i> | 20đ.  |
| Lịch-sử Triết-học Đông-phương       | — nt —                  | 120đ. |
| Tâm-lý ứng-dụng (in lần thứ II)     | <i>Phạm-xuân-Độ</i>     | 30đ.  |
| Dân-ca Việt-Nam                     | <i>Nguyễn-hữu-Ba</i>    | 35đ.  |
| Hóa-học Đệ Tam (in lần thứ V)       | <i>Phạm-đình-Ái</i>     | 25đ.  |
| Hóa-học Đệ Nhất (in lần thứ V)      | — nt —                  | 48đ.  |
| Vật-lý thực-hành Đệ Tam             | <i>Bùi-phượng-Chì</i>   | 20đ.  |
| Thực-tập Vật-lý Đệ Nhị              | <i>Bùi-phượng-Chì</i>   | 20đ.  |
| Thiên-văn học Đệ Nhất               | <i>Đặng-văn-Nhơn</i>    | 30đ.  |
| Hình-học họa hình Đệ Nhất           | — nt —                  | 30đ.  |
| Sô học Đệ Nhất                      | — nt —                  | 35đ.  |
| Đại-sô học Đệ Nhất                  | <i>Nguyễn-bá-Cường</i>  | 25đ.  |
| Kỹ-thuật điện-kính                  | <i>Nguyễn-văn-Chính</i> | 15đ.  |
| Anh-văn Đệ Thất                     | <i>Nguyễn-đình-Hòa</i>  | 40đ.  |
| Thượng-chi văn tập I                | <i>Phạm-Quỳnh</i>       | 35đ.  |
| Thượng-chi văn tập II               | — nt —                  | 35đ.  |
| Thượng-chi văn tập III              | — nt —                  | 35đ.  |
| Thượng-chi văn tập IV               | — nt —                  | 35đ.  |
| Thượng-chi văn tập V                | — nt —                  | 35đ.  |

## SÁCH DỊCH

|   |                                |
|---|--------------------------------|
| Cung-oán ngâm-khúc<br>(dịch ra Pháp-văn)  | <i>T.L. Huỳnh-k-Dụng</i> 28đ.  |
| Chinh-phụ ngâm-khúc<br>(dịch ra Pháp-văn)   | —nt— 40đ.                      |
| Đạo-đức học (Ethique de Nicomaque)  | <i>Trịnh-huy-Tiến</i> 75đ.     |
| Tiếng cười (Le rire)  | <i>Phạm-xuân-Độ</i> 32đ.       |
| Can Địch (Candide)  | —nt— 45đ.                      |
| Xã ước (Du contrat social)  | <i>Nguyễn-hữu-Khang</i> 35đ.   |
| Nhập-môn nghiên-cứu y-khoa<br>thực-nghiệm (tập I)<br>(Introduction à l'étude de la<br>Médecine expérimentale) | <i>Trần-văn-Bảng</i> 30đ.      |
| Nhập-môn nghiên-cứu y-khoa<br>thực-nghiệm (tập II)  | —nt— 50đ.                      |
| Kháng biện luận về tu<br>từ pháp (Gorgias)  | <i>Trịnh-xuân-Ngan</i> 48đ.    |
| Vạn-pháp tinh-lý (L'esprit des lois)  | — nt — 30đ.                    |
| Ô. Thị-Trưởng Casterbridge<br>(The Mayor of Casterbridge)   | <i>Ô. bà Nguyễn-d-Hải</i> 12đ. |
| Khảo về linh-hồn theo thể luân-lý<br>(Phédon ou de l'âme : genre moral)                                       | <i>Trịnh-xuân-Ngan</i> 60đ.    |
| Xứ người mù<br>(The country of the Blind)   | <i>L.M. Trần-phúc-Vỹ</i> 10đ.  |

**Đặt chết dần**

|                                     |  |      |
|-------------------------------------|--|------|
| (La terre qui meurt của René Bazin) | <i>Trương-đình-Nga</i>   | 55đ. |
| Một phát-giác hãi hùng              | <i>L.M. Hoàng-q-Trương</i>   | 6đ.  |
| (A frightful Discovery from Typee)  |  |      |
| Người đánh xe ngựa                  |  |      |
| (The Hack Driver)                   | — nt —   | 5đ.  |
| Lê-triều giáo.hóa điều              |  |      |
| luật. — Tứ thập thất điều           | <i>Trần-khải-Văn</i>   | 25đ. |
| Lê-triều lịch.khoa tiên-sĩ          |  |      |
| để danh bi ký (tập I)               | <i>Võ-Oanh</i>   | 85đ. |
| Lê-triều lịch.khoa tiên-sĩ          |  |      |
| để danh bi ký (tập II)              | — nt —   | 75đ. |
| Công-dư tiếp-ký (tập I)             | <i>Nguyễn-đình-Diệm</i>  | 50đ. |
| Quốc-triều đăng-khoa lục            | <i>Lê-mạnh-Liêu</i>  | 80đ. |
| Những suy-niệm siêu-hình học        | <i>L.M. Trần-thất-Đình</i>   | 50đ. |
| Luận-ngữ                            | <i>Lê-phục-Thiện</i>   | 95đ. |
| Lịch-đại danh-hiến phổ              | <i>Nguyễn-thượng-Khôi</i>  | 50đ. |
| Cơ.học Đệ Nhất                      | <i>Nguyễn-xuân-Vinh</i>  | 35đ. |
| Tang.thương ngẫu.lục                | <i>Đạm-Nguyên</i>  | 75đ. |
| Tân-biên Truyền-kỳ mạn-lục          | <i>Bùi-xuân-Trang</i>  | 80đ. |
| Công-dư tiếp-ký (tập II)            | <i>Nguyễn-đình-Diệm</i>  | 40đ. |
| Lê-triều lịch-khoa tiên-sĩ          |  |      |
| để danh bi ký (tập III)             | <i>Võ-Oanh</i>   | 70đ. |
| Bên bờ sông xanh                    | <i>Nguyễn-văn-Mừng</i>   | 25đ. |
| Công-dân Đệ tứ                      | { <i>Phạm-thị-Tự</i><br><i>Trần-trọng-San</i><br><i>Lê-xuân-Khoa</i> | 20đ. |
| Công-dân Đệ Nhị                     |  | 25đ. |

|                             |                        |       |
|-----------------------------|------------------------|-------|
| Mũi tên đen                 | <i>Nguyễn-dăng Hải</i> | 25đ   |
| Việt-Nam Văn-học sử-yếu     | <i>Dương-quảng-Hàm</i> | 50đ.  |
| Việt-Nam Dân-luật lược-khảo | <i>Vũ-văn-Mẫu</i>      | 120đ. |
| Việt-Nam Thi-văn hợp-tuyển  | <i>Dương-quảng-Hàm</i> | 30đ.  |
| Vật-lý Đệ Tam A B           | <i>Bùi-phượng-Chì</i>  | 38đ.  |
| Hóa-học Đệ Nhị              | <i>Phạm-đình-Ái</i>    | 40đ.  |
| Vật-lý Quang-học Đệ Nhị     | <i>Bùi-phượng-Chì</i>  | 30đ.  |
| Văn-đề giáo-dục (Emile)     | <i>Cô Lý-Hoa</i>       | 60đ.  |
| Tom Walker với quỳ sứ       | <i>Nguyễn-văn-Tạo</i>  | 8đ.   |
| Silas Marner                | <i>Nguyễn-văn-Tạo</i>  | 12đ.  |

### SÁCH TIỂU-HỌC

|                                |   |      |
|--------------------------------|---|------|
| Quan-sát lớp Ba                | <i>Một nhóm Giáo- viên</i>  | 10đ. |
| Toán-pháp lớp Nhất             | ( <i>Nguyễn-huy-Côn</i><br><i>Lê-đình-Huyền</i> )   | 14đ. |
| Quốc-sử lớp Tư (in lần thứ II) | <i>Phạm-văn-Trọng</i><br><i>Huỳnh-văn-Đồ</i>  | 18đ. |
| Địa-lý lớp Tư                  | ( <i>Trần-trọng-Phan</i><br><i>Phạm-văn-Vệ</i><br><i>Văn-công-Lầu</i><br><i>Lưu-văn-Lê</i> )                                | 14đ. |
| Công-dân lớp Năm (C.N)         | ( <i>Nguyễn-trì-Phùng</i><br><i>Đặng-văn-Nghiệp</i><br><i>Huỳnh-công-Tú</i><br><i>Lê-văn-Lực</i><br><i>Phạm-thành-Gia</i> ) | 14đ. |
| Công-dân lớp Tư (C.N.)         | — nt —  | 18đ. |

|                           |   |      |
|---------------------------|---|------|
| Công-dân lớp Ba (H. S.)   | <i>Văn-công-Lầu</i><br><i>Huỳnh-công-Tú</i><br><i>Phạm-văn-Vệ</i>                           | 18đ. |
| Công-dân lớp Ba (C.N.)    | — nt —  | 16đ. |
| Vệ-sinh lớp Năm (H.S.)    | <i>Nguyễn-huy-Côn</i><br><i>Nguyễn-văn-Hòa</i><br><i>Lê-đình-Huyền</i><br><i>Bù-văn-Bảo</i> | 16đ. |
| Vệ-sinh lớp Năm (C.N.)    | — nt —  | 8đ.  |
| — — Tư (H.S.)             | — nt —  | 15đ. |
| — — Tư (C.N.)             | — nt —  | 12đ. |
| — — Ba (H.S.) (in lần II) | — nt —  | 16đ. |
| — — Tư (N.C.)             | — nt —  | 18đ. |
| Trò chơi                  | <i>Trần-văn-Thao</i>  | 12đ. |

### SÁCH ĐANG IN

|                         |      |
|-------------------------|------|
| Vệ-sinh lớp Nhì (H.S.)  | 13đ. |
| Công-dân lớp Năm (H.S.) |      |
| — — — Tư (H.S.)         |      |

### TẬP-SAN GIÁO-DỤC

|                                   |      |
|-----------------------------------|------|
| Tiểu-học Nguyệt-San 1962-63 tập I | 15đ. |
| tập II                            | 16đ. |

ẤN HÀNH TRONG KHUÔN-KHÒ  
CHƯƠNG - TRÌNH HỢP - TÁC  
GIỮA BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC  
VÀ PHÁI-BỘ KINH-TẾ HOA-KỲ  
—— TÀI VIỆT-NAM ——

**DO NOT REMOVE  
OR  
MUTILATE CARD**



Imp. PHAN - THANH - GIẢN  
21, Đường Võ-Tánh — Saigon

300 3 000  
Giá : 35đ.